

Như như bất động

Lê Huy Trứ

March 2nd, 2019

Tại tỉnh Houston, tiểu bang Texas không phải là bang TX, ấy gọi là tiểu bang, vào triều đại của Trump, tọa lạc một ngôi chùa to, đẹp và được Phật tử Việt cho là rất linh ứng. Cứ đến cuối tuần hay trong dịp Tết, nhiều chúng sanh nô nức rủ nhau đi lễ chùa để cầu xin được sức khỏe, tiền tài, danh vọng, và thêm nữa cầu mong người thân được bình an, vui mạnh.

Những chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh ở thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Sở dĩ, "Không phải chúng sanh ở trên thế giới," vì duyên tham lợi hợp nên không có chủ đích chân chính của chúng sanh trên thế giới. "Gọi là chúng sanh ở trên thế giới," vì giả tướng giả danh hiện tiền trên thế giới nên khó mà định nghĩa được bản lai danh mục của những đám chúng sanh này trên thế giới.

Trong chùa, dưới bức tượng Quan Âm đồ sộ, có quán cafe nhỏ, bà chủ quán dường như từ Đông Hải đến để kiếm kế sinh nhai, bán đồ hương hoa, để cúng lễ cho khách thập phương tới chùa.

Là người hảo tâm, rộng lượng nên bà chủ quán luôn tặng kèm nước giải khát cho người đi lễ chùa để họ giải cơn khát sau khi đã chen lẫn nhau vào chùa bái lạy.

Một ngày nọ cũng như mọi ngày khác, chúng sanh thập phương nườm nượp lái xe, kéo nhau tới chùa lễ bái, bà chủ quán đông khách, bận rộn nhưng vẫn luôn tươi cười bán hàng, và mời nước miễn phí.

Có một người khách Ấn Độ vào quán, ngồi đó nhưng không thấy gọi, hay mua gì. Chủ quán thấy vậy bèn tới gần và mời ly nước mát rồi hỏi han xem người này có cần mua hương hoa quả để vào lễ chùa hay không? Khách mỉm cười lắc đầu và bảo chỉ muốn ngồi nghỉ nhờ rồi đi. Chủ quán vui vẻ chấp nhận, mời khách ngồi, rồi lại ra bán hàng tiếp.

Chẳng mấy chốc đã xế chiều, chúng nhân sanh tới lễ chùa lục tục kéo nhau ra về, chủ quán quay ra dọn dẹp thì thấy vị khách kia vẫn ngồi trầm ngâm ở bàn. Chủ quán bèn tới gần, hỏi có giúp được gì không, có cần uống nước nữa không?

Bà hỏi “*Ông tới đây từ sáng, sao không tranh thủ vào lễ chùa lay Phật như chúng sinh?*”

Khách hỏi lại: “*Những người đó kéo nhau tới chùa đông như thế toàn chỉ để cầu xin, cúng tiền để cầu lợi hơn nhưng tại sao các tỳ kheo, ni và trụ trì không giải thích đúng nghĩa cúng dường tam bảo mà lại lừa dối tín đồ, đồng tâm hối lộ phật?*”

Bà chủ quán đáp: “*Họ cầu tiền tài, danh vọng, sức khỏe và may mắn thôi, họ luôn luôn đều cầu giống nhau như vậy chứ không mong gì khác hơn. Thấy họ khổ sở, ngây thơ, tham lam quá nên tôi đã ngấm ngầm cho họ giải khát bằng nước đá Cam lồ rồi. Vậy mà họ vẫn khát khao, thiếu khác.*”

Khách mỉm cười: “Đúng là dạy một đàn họ lại làm ngược lại thì ra tất cả vào chùa lễ Phật, và cầu xin được ứng y thị như vậy hay sao?”

Chủ quán lắc đầu: “Tôi cũng không hiểu rõ lòng vô minh của họ. Thấy họ khát khổ nên tôi tạm cho họ nước để giải khát. Theo ông thì sao?”

Vị khách thùng thĩnh đáp:

“Tôi tưởng họ tới chùa lễ Phật thể hiện lòng tôn kính với Như Lai, và nghe kinh. Nhưng đến chùa chỉ lim dim, hít hà, cầu khẩn, cúng bái, và nghĩ rằng họ làm như vậy sẽ được ban cho giàu có, nổi danh, hay may mắn khỏi bệnh thì tam thế phật dạy oan?”

Nhân sanh sướng khổ, giàu nghèo, xấu đẹp, gặp vận may hay vận rủi, thịnh suy trên đời đều do đức và nghiệp của chính họ tạo thành, không ai có thể can thiệp, đó là luật nhân quả bất di bất dịch, như thị của vũ trụ. Chưa nói khi vào chùa lễ bái, hành vi, tâm lòng của họ ra sao. Nếu họ vào nơi tôn nghiêm như thế mà ăn mất ló lăng, chen lấn giành giật chỗ đẹp để lạy Phật cầu xin, dù có hối lộ núi vàng thì cũng không được một chút công đức gì. Cầu chỉ mất công vì sẽ bất khả đắc. ”

Ý bà nghĩ sao? Nếu có những người đem bảy báu đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng?

- Thừa ông. Tôi đã nghe qua câu hỏi này rồi. Dù đã biết câu trả lời của Như Lai như thế nào nhưng tôi vẫn thấy, những người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều nếu họ biết bố

thí chân thành, nguyện hồi hướng tất cả phước đức cho tất cả chúng sanh.

- Lành thay cho tâm lòng của đấng bồ tát. Bồ-tát luôn làm lợi ích cho chúng sanh để cùng tiến lên Phật quả.

- Cho dù, Bồ tát không chấp vào tướng, không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bồ thí, thì phước đức đó dù có cũng như hư không, khắp cả mười phương, Đông Tây Nam Bắc, không đâu mà thấy biết được.

Cho nên,

- Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Bà chủ quán nghe thấy mỉm cười, bèn hỏi khách: “*Vậy ông ra đây làm gì?*”.

Khách mỉm cười: “*Tôi ra đây để tránh thế gian nhiều nhương, ồn ào như vỡ chợ, mất trang nghiêm.*

Nhưng chúng sinh vì vô minh nên trụ nơi sắc, còn trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Vì chúng phàm phu cố tìm chỗ trụ mà sanh tâm vọng tưởng, bị kẹt vào sáu trần không lối thoát nên thấy thật có trang nghiêm cõi Phật của chính trong tâm mình. Cho nên, chúng sinh cứ tưởng đó là cõi trang nghiêm, thay vì giả dối.

Trang nghiêm Phật đường tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

Cám ơn bà đã cho tá túc cả ngày nay, cho nước uống mà không lấy đồng nào. Một việc nhỏ như vậy có ý nghĩa, và công đức gấp nhiều lần vào chùa bái lạy và cầu xin.”

Hạnh bồ thí của bồ tát chính là trang nghiêm cõi Phật.

Khách hỏi tiếp:

Có thể do đầy đủ sắc thân, và đầy đủ các chủng tướng mà tri kiến Như Lai chăng?

Bà chủ quán nghe vậy đáp lại:

Các sắc tướng trang nghiêm đầy đủ tức chẳng phải trang nghiêm đầy đủ, ấy gọi là các tướng sắc đầy đủ trang nghiêm của Như Lai.

Khách mới bảo rằng, đúng như vậy: *Bồ tát nếu khởi nghĩ mình sẽ trang nghiêm Phật độ ấy không phải Bồ tát.*

Khách nói: Trang nghiêm cõi Phật là không phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm. Làm tất cả lợi ích chúng sanh mà không thấy có gì thật cả thì không trang nghiêm mà là trang nghiêm cho nên không phải trang nghiêm đó mới gọi là trang nghiêm.

Cuối cùng khách giải thích: Nếu Bồ tát thông đạt được pháp vô ngã, đó mới là chân thật Bồ tát. Thấy được pháp vô ngã mới là chân thật Bồ tát, còn chưa thấy được thì chưa phải thật Bồ tát.

Trong chớp mắt đã thấy khách ở tí xa xa rồi mất hút ở phương Tây, quanh đâu đây thoang thoảng mùi hương sen thơm tuyệt diệu.

Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.

Nếu do ba mươi hai tướng mà tán thán Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai. Không nên do ba mươi hai tướng mà chiêm ngưỡng Như Lai.

Vì:

*Nếu do sắc tướng thấy Như Lai,
Do âm thanh mà cầu Như Lai,
Người ấy ắt đang hành tà đạo,
Không thể nào thấy được Như Lai.*

Do sắc thấy Như Lai tức do ba mươi hai tướng, do âm thanh cầu Như Lai tức là do những thứ tiếng mà cho là Như Lai. Cả hai sắc tướng và âm thanh là tướng sanh diệt, nếu dùng cái sanh diệt mà cầu Như Lai, đó là hành đạo tà, không thể thấy được pháp thân.

Pháp thân là như lai. Mà Như Lai là pháp thân thường hằng của chúng ta. Pháp thân đó không thuộc sắc tướng nên không có chấp ngã, nó cũng không thuộc âm thanh để mà chấp âm thanh.

Bài kệ này ý nói về pháp thân phi tướng.

Thân tướng khách vừa rồi không phải thân tướng mà là giả tướng, vô thường, không đúng như thị tri kiến.

Thật tướng Như Lai là pháp thân bất sanh bất diệt. Pháp thân đó không riêng Đức Phật mà là bản lai diện mục của tất cả chúng sinh.

- Như Lai không nên do đầy đủ sắc thân mà thấy. Vì Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

- Như Lai không nên do đầy đủ các tướng mà thấy. Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.

Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Lìa sắc lìa tướng tức là lìa chấp sắc và lìa chấp tướng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.

Trái với bản tánh tự nhiên của tôi, tôi không còn nghĩ thiện ác, không cầu được không, không mong có không vì nghĩ cầu mong mặt này thì nó ra mặt kia. Không cầu mặt nào thì nó ra mặt mặt.

Khi tôi đứng trước mặt tôi, tôi thấy cái diện mục khi thì thánh thiện khi thì yêu quái của tôi. Khi tôi đứng sau lưng tôi thì tôi thấy cái bản lai của tôi, khi nào cũng như vậy.

Nếu không thấy cái diện mục, không thấy cái bản lai thì cái gì là bản lai diện mục của tôi?

Tôi cảm thấy thân “tôi” là tổng hợp của hàng tỷ lượng chủng tử
hợp tan bởi sức hút của từ trường, và năng lượng.

Nếu do hình tướng thấy tôi,
Do âm thanh mà nghe tôi.
Người ấy ắt đang nhìn nhầm tôi,
Không thể nào thấy được chính tôi.

(Lê Huy Trứ)

Người ta thường hiểu lầm tôi vì họ không biết tôi nên không
hiểu tôi nhưng tôi khi nào vẫn tri kiến tôi như vậy.

Tôi chỉ là cây đuốc cho lửa trí tuệ châm lên để soi sáng vô minh.
Không có cây đuốc thì ánh sáng trí tuệ không cháy sáng được.
Không có lửa trí tuệ thì cây đuốc có cũng vô dụng.

Bà chủ quan lắng nghe xong, mỉm cười với đôi mắt nhân từ,
đóng cửa hàng đi trở về Nam hải.

*Bồ-tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói
chẳng thọ phước đức.*

*Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Tất cả
các tướng tức là không phải tướng, tất cả chúng sanh tức không
phải chúng sanh.*

Nếu do quang mà thấy bồ tát,
Do âm thanh mà cầu bồ tát,
Người ấy ắt đang hành quang âm,

Có thể kiến Quang Âm Bồ Tát.

Lê Huy Trứ

Câu chuyện trên cho chúng ta, những người Phật Tử chân chánh, thấy rằng, lễ Phật cốt ở tấm lòng, và vận mệnh của một người không thể thay đổi nhờ cầu xin hay khẩn bái.

Con người nếu sống biết tu thân tích đức ắt sẽ được phúc báo còn không thì có vái lạy mãi cũng vô ích.

Còn đối với đa số ngụy Phật Tử thì thờ Phật, kính tăng, làm từ thiện, cúng dường là để được hưởng phúc đức. Nếu cầu trời cầu Phật mà bất khả đắc thì theo đạo có ích lợi gì?

Hay cầu bất khả đắc vì chúng ta chưa thật sự thành tâm cầu?

Tôi đề nghị nên chọn con đường ba phải, chính giữa.

Cầu xin cũng như thuốc an thần trong lúc tâm thần bất loạn để khỏi quẫn chí.

Cầu xin nhất là trong lúc sợ hãi, nguy khốn là thói thường rất đáng thương của chúng sinh.

Có bệnh cứ hít hà, vái lạy tứ phương biết đâu phước chủ may thầy mà được trúng độc đắc. Nhưng khi tai qua nạn khỏi thì nên suy nghiệm lại lời Bụt dạy về nghiệp báo không thể trốn tránh, và để hiểu mục đích thờ Phật của mình. Dù thế nào đi nữa thì Bụt cũng luôn mỉm cười với ánh mắt từ bi, thông cảm cho cái

tập tục ích kỷ, yếu đuối, ưa van cầu, dị đoan, mê tín của nhân sinh.

Chuyện bắt đầu ở trên thật như hư cấu. Tâm trí tui lúc đó cũng phiêu diêu xuống chùa vì lý do riêng tư, thiên cơ bất khả lậu, nhân khát nước nên tạc ghé vào tiệm bà chủ quán để điểm tâm. Tình cờ, nhờ may mắn mới nghe thấy được những đối thoại vô ngôn, vô thanh, và vô sắc đó.

Tôi thấy bà ta rất quen thuộc vì bà đã từng hỏi tôi muốn điểm tâm nào trong kiếp nào rồi nên lần này khôn ra, tôi ứng lời trước:

Tôi không điểm tâm của ngày hôm qua còn dư không bán được, tôi cũng không mong điểm tâm những gì bà chưa kịp chuẩn bị bán cho ngày mai. Thậm chí tôi cũng không điểm tâm không còn nóng hổi bây giờ.

Vậy thì bà “bán” điểm tâm nào?

Bán vô tâm hay bán hữu tâm?

Một nửa (bán) vui hay một nửa (bán) đầy “chung”?

Tôi cũng xin bà mở lượng đại từ đại bi chỉ điểm tâm pháp vô cầu khả đắc, khả đắc vô niệm.

Nhờ bà nói với ông khách Ấn Độ đó đi mô cho tôi quá giang trở về vì tôi ở đây lâu quá rồi, toàn làm những chuyện vô duyên, vô ích.

Ngài từ đâu tới thì cho tôi về cùng?

Tuy nhiên, Đức Thế Tôn có dạy:

Này Tu-bồ-đề (Subhuti), nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Vì có sao? Như Lai đó không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai.

Như Lai là vô sở tùng lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai, nghĩa là Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai.

Đa số chúng ta không bao giờ sống cuộc đời mình muốn sống, làm được điều mình muốn làm, làm người mình muốn nên người để phục vụ nhân quần mà chỉ bận bịu với nhu cầu giá áo túi cơm, lo sinh sống, nuôi gia đình bá thở đâu còn thời giờ cho mình, cho xã hội.

Cho nên có nhiều người vô trách nhiệm, sợ khổ đau chạy trốn đời, tỵ nạn trong tôn giáo thay vì thật tâm đi tu vì trước muốn giải thoát, giác ngộ rồi sau đó là cứu độ chúng sinh?

Trong cái cõi ta bà cà chớn này, mọi chuyện càng làm càng không bao giờ xong. Càng cố làm, càng thêm nhiều chuyện để làm, không bao giờ hết việc. Không có chuyện gì để cần làm cho xong. Vì cố tìm chuyện để làm cho nên mới sinh nhiều chuyện, đa duyên, đa nghiệp.

Vẫn biết rằng, tất cả những khổ nạn phải trải qua chỉ là thử thách trên đời, không có bản ngã thật sự khổ để cứu độ, thật không có chúng sanh được diệt độ.

Dù biết tất cả là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Thế nên cái “vô nhân sắc tướng” này sinh sống trong một kiếp nhân sinh rồi đầu thai trở lại vì nghiệp quả rồi tạo nhân quả quả thật vô tích sự cho trái đất, quả vô duyên trong vũ trụ?

Nhưng riết rồi, nhân sinh thường ngày dờn chơi với những cái ảo tưởng tướng đó, bị tâm phan duyên hành hạ thường xuyên cũng mệt mỏi bốn thân lẫn tinh thần quá rồi nên chúng sinh muốn bỏ cuộc, không chơi trò muốn cố trụ, gắng hàng phục tâm thân nữa.

Ngài Dược Sơn Duy Nghiễm bảo, *"Vân tại thanh thiên, thủy tại bình."*

"Bình thường tâm thị đạo." Ngài Nam Tuyền

Nếu được tự nhiên như vô dư Niết-bàn, lặng lẽ không sanh diệt như vậy thì cần gì phải hàng phục tâm, nói chi tới chuyện trụ tâm?

Ý Phật dạy: *Một niệm dấy lên là một chúng sanh, đưa những niệm đó vào chỗ vô sanh là hàng phục tâm.* (Kinh Kim Cang Giảng Giải, Hòa thượng Thích Thanh Từ)

Một dấy niệm sinh ra vô vàn chúng sanh trong tâm ta.

Cho nên, chúng sanh ở đây không phải là chúng sanh/nhân sanh nào khác mà là chúng sanh trong một niệm của bản ngã.

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc giải thích: *Chúng sanh ở đây chỉ có nghĩa là những gì do nhiều (chúng) yếu tố tạo thành (sanh) thì gọi là chúng sanh. “Tùy chúng duyên nhi sanh.”* (Ngày nào còn một chúng sanh...)

Tuy nhiên, cái vi diệu pháp đó không dừng lại ở đây mà nó đã được Bồ tát Long Thọ, Nāgārjuna (c. 150 – c. 250 CE), đưa lên hạng thượng thừa nói về pháp chúng sanh diệt thật rất tường tận.

*Kỷ sanh vô hữu tánh
Vi sanh kỷ vô sanh
Ly kỷ sanh vi sanh
Sanh thời tức vô sanh.*

Dịch:

Đã sanh mà không sanh
Chưa sanh đã không sanh
Rời đã sanh chưa sanh
Lúc sanh tức vô sanh.

Bồ tát Long Thọ phát minh ra lý không sanh không diệt thật rất triệt để thâm sâu. Qua Phật thuyết tám loại tướng, tức không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi.

Bồ Tát Long Thọ dùng bốn câu kệ tụng để hình dung vô sanh và sanh giống như nhau.

Sau đó Ngài lại giảng về diệt,

*Đã diệt, không có diệt
Chưa diệt đã không diệt
Rời đã diệt chưa diệt
Lúc diệt tức vô diệt.*

Trong Bát Nhã Tâm Kinh lược giảng, Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt, Hòa thượng Tuyên Hóa (Hsuan Hua) không ngần ngại tuyên bố:

“Những loại lý luận này tôi tin chắc rằng mọi người đều chẳng hiểu gì cả. Do đó tôi không giảng thẳng về chúng. Hiện tại, bất quá chỉ giảng về lý không sanh không diệt. Lý không sanh không diệt thông tịch nhiên, tịch nhiên thông đạt vô ngại.”

- *Bồ thí tức là buông xả không dính với sáu trần nữa thì tự nhiên tâm an trụ.* (Kinh Kim Cang Giảng Giải, Hòa thượng Thích Thanh Từ)

Trong Kinh Kim Cang, Phật dạy: *Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ.*

Tuy nhiên, trụ này không phải là trụ nên gọi là trụ.

Trước tiên, phải buông xả đừng dính với sáu trần thì tâm trụ. Rồi phải đưa vọng niệm vào chỗ vô sanh mới hàng phục tâm.

Nếu chấp chữ nghĩa hình tướng bên ngoài, kẹt trong văn nghĩa, thì không thể nào giải thích rốt ráo, và không thể nào thực hành được lời Phật giảng.

Chủ ý Phật dạy chúng ta an trụ tâm, hàng phục tâm mình, chứ không phải dạy chúng ta an trụ tâm, hàng phục tâm người.

Ngài Tu-bồ-đề nói: *Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na. Không có sở hành tức là không có chỗ dấy động, nên mới thật là người ưa hạnh tịch tĩnh.*

Không trụ như vậy tâm mới an trụ, rồi vì ưng vô sở trụ mới ni sinh kỳ duyên.

Khi không còn chấp ngã thì pháp thân mới hiện ra.

Vọng tưởng lặng rồi thì Phật tánh đó hiện tiền, tri kiến Như Lai.

Cho nên, chúng ta thường nghe những vọng tưởng, “Quyết tâm đi tu để trước mong thành Phật, sau độ chúng sinh,” hay “Ngày nào còn một chúng sinh trong biển khổ thì ta chưa thành Phật.”

Chúng Sanh Vô Biên Thê Nguyên Độ, Pháp Pháp Vô Lượng Thê Nguyên Học, Phiền Não Vô Tận Thê Nguyên Đoạn, Phật Đạo Vô Thượng Thê Nguyên Thành.

Những câu tuyên bố trên chỉ là một chương trình để nhậm vận nhưng đa số vì vốn hay kiến, văn, giác, tri nên khởi vọng niệm bất tận.

Đa số nhân sinh, chấp nhận kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh vốn là sai lầm, cho nên có tu hành cũng vô ích.

Có thể vì vậy mà chúng ta ít thấy được những bậc chân tu mà chỉ gặp toàn thợ tụng. Nhan nhĩn trong ngoài chùa có nhiều kẻ hồ

mang đội lột tu hành, khoát áo Cà-sa giấy, và lìa kinh đồng ma thuyết. Dù cho chúng nó có y kinh giải nghĩa thì cũng tam thế Phật oan vì trình độ kiến thức lẫn trí tuệ của bọn họ còn quá non nớt, và nhất là công đức tu hành chưa chính chắn để có đủ khả năng, đạo hạnh, và công lực để giáo hóa nổi đệ tử, cũng như để cảm hóa được chúng sinh thập phương.

Tôi đề nghị là nên điều chỉnh lại cái mục đích trên cho gần đúng với tâm nguyện của bồ tát như sau.

Theo nguyên tắc, như thị ngã văn, thì phải cố tình, tìm thấy rồi nhắm vào mục tiêu trước khi bắn. Khi bật dây cung thì mũi tên phải bay về hướng mục tiêu. Dù chưa chắc là phải nhất định tới trúng đích nhưng đó là mục đích của hành giả.

Tuy nhiên, cái mục đích này là phi tướng đích, nó không ở Đông, Tây, Nam, Bắc, thượng, hạ. Mũi tên mong cầu của hành giả cũng là vô sắc tiền tướng để mà bắn qua, hay bắn về, bắn lên, bắn xuống một cách đơn giản như vọng ngôn ngữ của phàm phu?

Vậy thì xuyên tâm tiền tự nó đi tìm tâm điểm để điểm tâm hay điểm (hồng) tâm phải điều chỉnh vị trí để cho “tên tâm” cắm vào?

Nôm na, trâu đi tìm cọc hay cọc đi tìm trâu?

Chả ai có ai cố tâm tìm ai cả.

Cho nên, “Trước là phổ độ, an trụ, rồi hàng phục hết tâm niệm của tất cả chúng sinh trong bản tâm. Khi mà không còn một

mống niệm sanh chúng sinh khổ não trong tâm ta thì ngay trong lúc đó ta mới tự nhiên thành Phật.”

Theo tôi nó có lý hơn dù cũng không phải dễ thành công.

Tại sao, tôi biết được những điều này?

Đơn giản, tôi chỉ học một tuyệt kỹ cuối cùng của Phật môn, qua di chúc của Đức Thế Tôn, đó là tục diệm truyền đăng. Chính mình, và tâm này đây là ông thầy tin cậy duy nhất, chân chính nhất của mình chứ không còn ai xứng đáng hơn nữa mà chờ đợi ngóng trông, hay hoài công tìm kiếm.

Tôi đi ngược về thời gian, dùng cái kiến thức bây giờ để dạy cho tôi lúc dưới tuổi vị thành niên. Dĩ nhiên, cái hiểu biết của tôi bây giờ dư sức làm thầy của “tôi quá khứ”?

Tôi dạy cái tâm tôi trong quá khứ phải tu tâm để sửa đổi, và vun trồng cho nghiệp quả trong tương lai. Rồi thì tôi đi về trở lại vị lai (back to the future) để dạy cho “tôi tương lai” phải nên làm gì để chờ đợi cái nghiệp quả đã đơm mầm, nảy nhụy, sắp đặt từ trước, sẽ tới với mình, với chúng sinh.

Rồi thì tôi trở lại hiện tại và chờ cho quá khứ thay đổi, làm thay đổi tương lai. Nhậm vận thịnh suy vô bố úy!

Vì dù thế nào đi nữa thì những cái nghiệp tốt xấu trong tương lai, và quá khứ không ảnh hưởng gì đến “tôi hiện tại.”

Vấn đề bất khả lậu, lậu bất khả đắc, đó là “tôi hiện tại” đó bây giờ đang ở đâu, nơi tận cùng của vũ trụ hay trung tâm điểm của vũ trụ?

Nó chắc chắn phải vĩ đại hơn Chiết giang triều, cao lớn hơn yên tỏa Lô sơn của địa lý Trung Hoa trên trái đất nhỏ hơn hạt bụi trong vũ trụ.

Đa số nhân sinh, nhiều lần trong ngày, thường đi đi về về trong quá khứ, và trở lại với tương lai mà không để ý tới cái khả năng tự nhiên đó của mình, không nhớ quán niệm bản lãnh thần thông sẵn có đó để mà xử dụng cho đúng thời cách mà thôi.

Chúng sinh quên là sách có câu: Chúng ta thường sống trong quá khứ, và luôn lo nghĩ tới tương lai mà không biết sống cho hiện tại.

Nhưng hiện tại ở đâu trên dòng tâm thức không-thời gian này?

Nếu chúng ta chỉ sống trong tương lai thì hiện tại đã là quá khứ. Nếu chúng ta chỉ sống trong quá khứ thì hiện tại sẽ là tương lai? Nếu chúng ta chỉ muốn sống cho hiện tại thì hiện tại đó bây giờ đang ở đâu để sống?

Cái khoảng khắc hiện tại đó đã đang ở đâu trong dòng quá khứ nào, hay sẽ đang trôi nổi một chiều trong chuỗi vị lai kia?

Nhân sinh đang khắc kiếm trên mạng thuyền để đi tìm lông rùa, hay sừng thỏ rồi sau đó sẽ trở lại chỗ khắc kiếm đó để mò, và hy vọng tìm ra, và vớt kiếm lên. Con người luôn luôn sống trong ảo tưởng rồi lại vọng tưởng là sẽ có một lần được đi ngược trở

lại nơi con sông đó để cùng nhau chơi đùa, tắm rửa, bơi lội trên cùng một dòng sông.

Thiết tưởng, những suy tư thôn thức đó, những triết lý cùn này không cần thiết để nhắc nhở ở đây vì sớm muộn gì rồi thì đa số chúng sinh cũng sẽ giác ngộ cái chân lý trên một cách tự nhiên, kiến tánh nó thật dễ dàng. Nếu thâm tâm của nhân sinh không còn phan duyên, và hết còn vọng tưởng pháp thân thì lúc đó kỳ minh hiển hiện, soi sáng u minh.

Hòa thượng Thích Thanh Từ giảng, “*Chỗ không vọng tưởng đó là pháp vô vi bất sanh bất diệt.*”

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? Như Lai có nói pháp chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì có sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì có sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Sai biệt là căn cứ trên pháp vô vi bất sanh bất diệt, còn gọi là pháp thân hay là chân tâm vô ngã, sống không vọng tưởng được trọn vẹn (đốn ngộ) hay được từng phần (tiệm ngộ) công phu trong vô thường.

Cho nên nói sai biệt nhưng không chấp sai biệt mà nói như vậy là sai biệt chứng đắc. Ngay cả thấy được cái sinh diệt vô thường của vũ trụ vô lượng, hay vi lượng tử, lân hư trần, cũng chỉ là giả danh mà nói là thấy thôi.

Đức Phật dạy: *Này Tu-bồ-đề, Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư. Không sai, không biệt!*

Trong Kinh Kim Cang Giảng Giải, Hòa thượng Thích Thanh Từ dạy: *Trí tuệ Kim Cang Bát-nhã là trí tuệ bất sanh bất diệt. Trí tuệ đó ai cũng sẵn có, nếu quên nó là chúng sanh, ngộ được nó thì thành Phật. Nhân ngộ trí tuệ đó mà thành Phật thì chính trí tuệ đó sanh ra Phật, nhân trí tuệ đó diễn đạt cho người ta hiểu, là pháp. Như vậy là từ trí tuệ đó sanh ra pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

“Nói thì Phật trước pháp sau, nghe thì pháp trước Phật sau.”

Nhưng chấp trước sau, pháp Phật, Phật pháp, nói nghe để làm chi?

Pháp Phật thượng ưng xả hà huống tiền hậu bất nhất?

Này Tu-bồ-đề, ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này, ta sẽ có nói pháp, chớ khởi cái nghĩ ấy. Vì có sao? Nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta đã nói. Này Tu-bồ-đề, nói pháp đó không có pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp.

Cho nên, phải lìa năng thuyết lẫn sở thuyết vì nếu thấy có Phật pháp để năng chấp sở thuyết thì còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là không được ư? Phật

bảo: Đúng như thế, như thế! Nay Tu-bồ-đề, ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhân đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong đoạn trên này Đức Phật phá đến có chúng, có đắc. Nếu Ngài còn thấy có sở đắc thì Ngài còn ngã, còn pháp.

Nay Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này, Như Lai chẳng do các tướng cụ túc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, Như Lai không do tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi cái nghĩ này. Vì có sao? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt.

Pháp thân không phải là tướng đoạn diệt. Khi không còn những mầm sanh diệt, đó là chân thật giải thoát, đó là Như Lai bất sanh bất diệt.

Điều trên đã sáng tỏ ý Phật giải nghĩa: *Nay Tu-bồ-đề, nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.*

Tôi ưa chấp đơn giản:

Cho dù, nếu thấy không có pháp pháp mà khi cố chấp không được thì vẫn còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Chỉ khi nào vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, vô vọng tưởng mới không còn một chúng sanh trong biển khổ (emptiness of sentient

beings) nhưng đầy chúng sanh trong hư vô (emptiness of emptiness.)

Lúc đó, bồ tát mới là chúng sinh cuối cùng thành phật.

Chuyện gì sẽ xảy ra trên thế giới này nếu chúng sinh thành phật hết?

Chúng sinh vẫn còn hiện hữu/tận diệt bởi vô niệm/vọng niệm ... mà sinh ra/vô sinh ... có/không?

Mỗi ngày, trong đầu của mỗi chúng sinh khởi lên bao nhiêu vọng tưởng, mỗi một vọng tưởng bao nhiêu chúng sanh ra. Vậy thì chúng ta độ được bao nhiêu chúng sinh từ bể khổ qua bờ hư vô trong một kiếp chúng sinh?

Đó là vô tướng chúng sinh, còn hữu tướng chúng sinh như là 20 tỷ tế bào tạo nên nhục thân này sinh diệt hàng ngày. Vậy thì bồ tát ta độ được bao nhiêu chúng sinh?

Biết chừng nào độ được hết tất cả chúng sinh hữu, và vô tướng qua khỏi biển khổ đau rồi ta mới thành phật?

Bao lâu? Vô lượng thời gian?

Không có bao lâu cả. Chỉ trong một sát na vừa độ vô lượng chúng sinh vừa thành phật nếu không còn vọng tâm niệm, giác được vô ngã chúng sinh, và ngộ được vô sinh vô diệt của thật tướng thì tri kiến phật.

Bồ tát vì từ bi, thông cảm nỗi đau khổ, cầu cứu của chúng sinh mà đã lỡ lậ cái bất khả lậ cho chúng sinh dù biết rằng mình sẽ bị mất nhiều công đức nhưng bồ tát không bố thí, không vào biển khổ thì ai cứu độ chúng sinh đây?

Ngài cố gắng dạy cái chân lý khó hiểu mà chỉ có Phật và Bồ tát mới đón ngộ được đó là:

Như Lai là nghĩa như của các pháp là khi mà đối cảnh, vô tâm mạc vẩn như như bất động. Đó là Như Lai, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong niết bàn hư vô ấy không còn đối đãi thật hư. Hư hư, thật thật! Không thật, không hư mà như thật, như hư.

Cho nên bồ tát không phải là bồ tát nhưng giả danh bồ tát để cứu độ chúng sinh. Ngày nào độ hết tất cả chúng sinh thì bồ tát sẽ không còn làm bồ tát nữa.

Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ-tát. Đức Phật nhấn mạnh lại chỗ chấp ngã, nếu còn thấy mình diệt độ tất cả chúng sanh thì không phải là Bồ-tát rồi. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, thật không có pháp tên là Bồ-tát. Kể cả danh tự Bồ-tát cũng không thật! Nếu còn chấp Bồ-tát là thật cũng còn kẹt. Thế nên đức Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát nói lời thế này, ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ấy chẳng gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm ấy gọi là trang nghiêm. Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát.

Ở trong pháp cao siêu tối thượng vượt hơn tất cả pháp thế gian bất khả tư nghi này, và nếu có chúng sinh ở nơi tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều thành tâm cúng dường, thọ trì pháp ấy ắt chúng sinh ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Khi không còn chấp thân, chấp cảnh, chấp pháp, Phật nói rõ ràng như vậy, nghĩa là người nào thấy biết rõ được thân này, cảnh này là hư ảo, do duyên khởi hợp tạm có một lúc rồi hoại, vô thường. Giác được trong cái tướng hư giả đó có cái chân thật tướng đang bày hiện nơi sáu căn của chúng ta, nếu chúng ta sống được với nó, an trụ được nó thì tất cả cái hư giả trên thế gian đều vô nghĩa.

Chỉ cần vận dụng trí nhìn chân chính, thấy cho chân thực rồi sống an tâm tự tại trong hư ảo, vô thường. Khi tỉnh giác rồi thì lúc đó Như Lai với ngũ nhãn thông ắt thấy, trí tuệ ắt biết chúng ta tỉnh, chúng ta giác, do vì tỉnh giác sẽ được Phật thọ ký cho chúng ta thành Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: *Trong các cõi nước đầy dẫy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thấy đều biết. Vì có sao? Như Lai nói các tâm đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.*

Vũ trụ tuy vô lượng nhưng chỉ có một tâm duy nhất. Đó là, bồ đề tâm, tuyệt đối vô sanh, vô diệt.

Phật giải nghĩa qua kinh nghiệm của chính Ngài: *Này Tu-bồ-đề, nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho Như Lai: Ở đời*

sau Như Lai sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Nếu Như Lai còn thấy có pháp để được thì Phật Nhiên Đăng không bao giờ thọ ký cho Như Lai thành Phật. Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký [ấn chứng] cho Như Lai.

Như Lai vô ngã giác!

Nên giác, trì pháp phật là giảm nghiệp chứ không phải đồ nghiệp nhưng càng trì pháp thì nghiệp cứ ùn ùn tới như thác đồ mới mong giảm được nghiệp?

Trên thực tế, đa số phàm phu như chúng ta cứ ngây thơ, nghe bảo như vậy nhưng thấy không được như vậy vì nó có bao giờ được như ý như vậy đâu?

Hình như, cầu bất khả đắc là nguyên lý tự nhiên của vũ trụ mà thất vọng đưa đến đau khổ là điều đương nhiên của nhân sinh.

Cái “vô lý, bất công ” đó là một trong những thành phần của luật nhân quả, cause and effect. Đó là lý như thị tri kiến mà Đức Phật đã khám phá, chứ không phát minh. Ngay cả, Đức Phật lúc còn tại thế với nhục thân ngũ uẩn cũng không thoát khỏi định luật nhân quả của vũ trụ này.

Đây có thể là lý do mà những tôn giáo đa thần, độc thần bành trướng mạnh mẽ hơn Phật Giáo vì họ biết được tâm lý, nhu cầu cần thiết của nhân loại để mà hứa hẹn cái vĩnh hằng ảo tưởng trong những bộ não không có trí tuệ?

Phật Giáo được xếp cùng loại với “vô thần” nhưng/vì đa số không biết Phật Giáo là tôn giáo duy nhất không công nhận có ngã. Chính xác hơn, Phật Giáo phủ nhận sự hiện hữu của một nguyên lý vĩnh cửu, hay một linh hồn bất tử. Đây chính là điểm đặc thù tách lìa Phật Giáo ra khỏi toàn bộ mọi tôn giáo hữu thần khác.

Phật Giáo là tôn giáo đánh Phật, không thờ thần, chứ không phải vô thần vì vô thần không phải là tôn giáo.

Điều tối quan trọng mà những Phật Tử chân chính phải hiểu biết đó là Đức Phật không lập ra tôn giáo - tụng kinh, gõ mõ, khua chiến, đóng trống, thờ lạy, cúng xin. Ngài chỉ tổ chức tăng đoàn với vài điều luật tu hành căn bản vì “đạo Như Lai” bành trướng quá nhanh với hàng ngàn tín đồ, và vài ngàn đệ tử nên phải cần có vài giới luật của tập đoàn.

Con người vì tâm lòng yếu đuối, nghị lực giới hạn, và nhất là vô minh chỉ muốn nương tựa, cầu xin mà khả đặc chẳng qua, để thỏa mãn cái tính ích kỷ, thói lười biếng, đầy tham sân si của cá nhân mình. Cho nên, nhân loại vẫn luôn tìm kiếm, mơ ước có được một tôn giáo cầu gì được nấy mà thờ. Hay, nhân sinh năng dùng trí khôn chế tạo ra những nhu cầu khoa học để thỏa mãn những tham vọng không bao giờ thỏa mãn được.

Tóm lại, nếu không có sáng tạo thì nhân tạo vậy.

Nếu một người trong lòng cảm thấy tham cầu, điều đó nói lên rằng trong tâm người này có tồn tại một điều ích kỷ tương ứng.

Nếu một người trong nội tâm không có điều tham lam nào, như vậy, người này sẽ không có lòng tham cầu.

Hình như chúng ta cầu bất khả đắc vì có thể chúng ta cầu không đúng cách?

Chúng ta cầu xin cái thường trong vô thường. Cầu cái sắc trong vô sắc. Cầu cái có trong cái không. Cầu khoái lạc trong đau khổ. Cầu cái bất động trong động.

Phật Giáo gọi đó là khắc kiếm mạn thuyền, đi tìm lông rùa, sừng thỏ, unicorn, hay 5-leaf clover với người Tây Phương.

Với đa số phàm phu chấp ngã, tưởng cầu nguyện mong thấy được khả đắc như vậy chứ nó thường không được khả đắc như vậy vì nó luôn vô thường bất đắc như vậy.

Ít ai cầu cái không trong cái có, cầu cái vô sắc trong cái sắc, cầu cái vô thường trong thường, cầu cái đau khổ trong cái an lạc, cầu cái động trong cái bất động.

Đây có thể là những cái cầu đúng cách?

Cầu của nào được [trời cho] của nấy.

Không dám cầu cũng bị được.

Như như kỳ tích!

Những phép lạ nhiệm màu, thần thông biến hóa trên này có thật hay không?

Trong những kỳ duyên tao ngộ, cái yếu tố may mắn (lucky), đạo Lão gọi là “*tài không qua khỏi mệnh*,” là cái nghiệp lực tối cao nhất mà ít ai nhậm vận, và biết thời cơ để thuận “thiên” mà sống trong đại thành công trong những kiếp người.

Đối với Phật hay bồ tát thì những kỳ duyên này không ảnh hưởng đến họ, những bậc phi thường biết nhậm vận, tùy thời cơ để xuất xử, và tiến thoái. Còn đối với đa số phàm phu thì chỉ cầu may.

Kỳ duyên, may mắn xảy ra như trúng số độc đắc nhưng nó xảy ra cho ai đó là chuyện khác.

Trong thâm tâm của tôi thì từ nhỏ tới già, cho dù còn một hơi thở, khi nào tôi cũng ước ao kỳ tích, phép mầu, miracle, tàn hình, thăng thiên, độn thổ, du hành trong vũ trụ, ... Tôi thấy đâu đâu cũng kỳ tích.

Nội cái tôi còn sống tới bây giờ để nói dộc về tôi ở đây cũng là đại kỳ duyên nhất thế giới của tôi.

Điều này thật đại mâu thuẫn với những gì tôi viết về triết lý Phật Giáo.

Nhưng thật ra, nói vậy chứ không phải như vậy.

Vì vô ngã chưa bao giờ viết một chữ ngã,. Chỉ có “tôi,” hữu ngã với tâm phan duyên, thường hay “hồn bướm mơ tiên.” Tôi là tiên “phù dung” hay bướm “vàng khè”?

Vì nếu tôi không sống trong hy vọng (hope), không mơ mộng (dreams) thì tôi có thể không còn hiện hữu từ lâu rồi?

Dĩ nhiên, tôi chỉ hy vọng, và ước mơ những điều tôi muốn chứ không cầu những điều tôi cần.

Có thể cần thiết không quan trọng bằng lòng tham muốn?

Nhưng tôi nên cầu ai cho đúng chỗ?

Khi đau khổ vì nghiệp báo, cần cầu Phật thì Ngài bảo ta không chứng, lúc nguy khốn vì khổ nạn, cầu Trời thì Ngài đang quá bận ban phước cho quá nhiều người cầu xin.

Cho nên, tôi thường bắt chước mọi người mà cầu cả hai cho chắc ăn:

Cầu trời, cầu Phật cho con được an ổn mà sống cho qua con trăng này chứ không dám mơ ước gì hơn nữa.

Đức Phật không nói về thượng đế nhân tạo. Không phủ nhận thượng đế, nếu như có một uy lực vô thượng nào đó chi phối vũ trụ.

Đạo Phật như như vô thần chứ không như như thất thần.

Đức Phật không thật sự dạy về thuyết tiến hóa lẫn công nhận quyền năng sáng tạo.

Đức Phật không thuyết cái không có để thuyết mà ngay cả cái có để thuyết Ngài cũng không thuyết một chữ.

Vì đây là những thắc mắc không chính đáng nên không có câu giải thích chính xác để thỏa mãn những bất chính kiến.

Hình như cái lý bất thường trên, muốn ngộ thì phải có trí tuệ/bị “tâm thần” mới hiểu nổi lẫn nhau. Đây là một vấn nạn khó giải thích, và có thể dễ dàng chấp nhận đối với đa số vì nhân sinh mơ thoát nợ chứ không phải muốn tỉnh để đối phó với nợ?

Khi tỉnh thì vay nợ khi bị trả nợ thì mê không muốn tỉnh?

Phật Giáo là đạo của giác ngộ (enlightened) chứ không phải đạo cứu rỗi (salvation).

Tuy vậy, chúng ta vẫn có cứu khổ cứu nạn Quang Âm bồ tát để nguyện cầu.

Bản kinh Nikàya: “*Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*” Nghĩa là: “*Bồ-tát Quán Tự Tại (tên gọi khác của Bồ-tát Quán Thế Âm) trong lúc hành sâu về trí tuệ ba-la-mật, quán thấy năm uẩn là trống không, vượt qua mọi gánh nặng khổ đau.*”

Đại Bồ tát Quan Tự Tại đáp: “*Xá Lợi Phất, thiện nam thiện nữ nào phát chí nguyện hành trì Bát nhã ba la mật đa sâu xa, phải thấy rõ điều này: đến cả năm uẩn cũng không có tự tánh. Sắc tức là không, không tức là sắc. Không chẳng khác sắc, sắc chẳng khác không. Tương tự như vậy, thọ tưởng hành thức [cảm giác, ấn tượng, diễn biến tâm lý, chủ thức] cũng đều không tự tánh.*”

DaLai Lama giảng: *Bồ tát Quan Tự Tại tóm lược Tâm Kinh, sau đó khai triển rộng ra.*

Ở đây tôi [DaLai Lama] xin giải thích phần hiển nghĩa của Tâm Kinh nói về tánh không. Sau đó, khi nói đến mật chú Tâm Kinh, tôi sẽ giải thích phần mật nghĩa, liên quan đến các giai đoạn hành trì tuệ giác tánh không.

Bồ tát Quan Tự Tại tóm lược Tâm Kinh như sau: thiện nam thiện nữ phải thấy một cách trực tiếp, chính xác, và thường xuyên, rằng “đến cả năm uẩn cũng không có tự tánh.” Chữ “cả” ở đây có nghĩa là thuyết tánh không này còn bao gồm nhiều hiện tượng khác. Năm uẩn, (còn gọi là ngũ uẩn, ngũ ấm. tiếng Phạn gọi là skhandha) là những hợp thể tâm lý và vật lý kết thành một cá nhân. Vì năm uẩn không có tự tánh, nên chủ thể cá nhân con người do năm uẩn hợp thành cũng không có tự tánh. Và vì cái “tôi,” cá nhân một người, không có tự tánh, nên tất cả những gì “của tôi” cũng không có tự tánh. Nói cách khác, không những cái tôi - cái làm chủ thân tâm - vốn không có tự tánh, mà ngay cả tập hợp tâm lý và vật lý - cái bị làm chủ - cũng không có tự tánh.

Vậy tất cả mọi hiện tượng do yếu tố kết hợp [pháp hữu vi] đều không có tự tánh. Vì tất cả mọi hiện tượng do yếu tố kết hợp đều không có tự tánh, nên tất cả các hiện tượng không do yếu tố kết hợp [pháp vô vi] cũng đều không có tự tánh. Vậy không những chúng sinh vướng kẹt trong luân hồi đều không có tự tánh, mà ngay cả Phật đà cũng không có tự tánh. Và cuối cùng, đây mới là điều hệ trọng nhất, ngay chính tánh không, cũng không có tự tánh.

Khi đi vào chuỗi phủ định liên tục như vậy, rất dễ đi đến kết luận sai lầm là thật sự không có gì hiện hữu. Nếu hiểu rõ về tánh không, sẽ thấy tánh không thật ra không phải là không có gì hiện hữu. Tôi hy vọng quý vị đã bắt đầu thấy như vậy. Ý nghĩa này rất vi tế, các tông phái Phật giáo đưa ra nhiều kiến giải khác nhau. Phật giáo phủ nhận khái niệm ngã, tuy vậy, có tông phái chỉ công nhận con người vô ngã [nhân vô ngã], chứ không công nhận hiện tượng vô ngã [pháp vô ngã]. Trong những tông phái công nhận hiện tượng vô ngã, có tông phái nói chỉ một số hiện tượng là vô ngã, lại có tông phái lại nói tất cả mọi hiện tượng đều vô ngã. Rồi trong số những tông phái nói tất cả mọi hiện tượng đều vô ngã, có tông phái phủ nhận tự tánh ngay cả trên lãnh vực của Tục đế, trong khi có trường phái lại chấp nhận một vài khái niệm qui ước về tự tánh.

Những kiến giải khác biệt này đương nhiên dẫn đến nhiều tranh luận sôi nổi, chúng ta sẽ có dịp nhắc đến trong phần tiếp theo. Hiện giờ tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điểm: khi Bồ tát Quan Tự Tại nói với ngài Xá Lợi Phất rằng đến cả năm uẩn cũng không có tự tánh, câu nói này hoàn toàn không có nghĩa là năm uẩn không hiện hữu.

Trong Tinh Túy Bát Nhã Tâm Kinh, Đức Datlai Lama, cũng như những thánh tăng khác, các Ngài phải y kinh giảng nghĩa vì sợ tam thế phật oan. Các Ngài không thể đi ra khỏi khuôn khổ của Phật Giáo vì nếu chúng ta không nghe rằng, “như thị ngã văn” thì có thể là đồng ma thuyết?

Nhưng tôi không ở trong vòng cương tỏa đó nên tôi lìa hay y kinh thì cũng như người ngoài nhìn vô với cái nhìn phiến diện

hơn, khả dĩ thích hợp hơn, dễ thông cảm hơn với Phật pháp cho những thế hệ sau này.

Dalai Lama nhấn mạnh: *khi Bồ tát Quan Tự Tại nói với ngài Xá Lợi Phất rằng đến cả năm uẩn cũng không có tự tánh, câu nói này hoàn toàn không có nghĩa là năm uẩn không hiện hữu.*

Chúng ta đều nghe tương tự: Ngũ uẩn giai không!

Tuy nhiên trong đoạn kinh này Đức Dalai Lama chỉ giảng tới:

Sắc tức là không, không tức là sắc. Không chẳng khác sắc, sắc chẳng khác không.

Ngài giảng tiếp:

Tất cả mọi hiện tượng do yếu tố kết hợp [pháp hữu vi] đều không có tự tánh, nên tất cả các hiện tượng không do yếu tố kết hợp [pháp vô vi] cũng đều không có tự tánh. Nếu hiểu rõ về tánh không, sẽ thấy tánh không thật ra không phải là không có gì hiện hữu.

Thật ra, Đức Dalai Lama đã giải thích cái dễ hiểu nhầm lẫn này:

Mọi hiện tượng, kể cả cái tôi, đều không có tự tánh; tuy vậy vô minh-căn-bản khiến chúng ta gán ghép tự tánh vào đó.

Chân tướng của thực tại hiện càng rõ bao nhiêu, ý thức nhận biết vô minh là hư vọng lại càng mạnh thêm bấy nhiêu.

Trong bộ Bồ Xung Trung Quán Luận, Ngài Nguyệt Xứng khẳng định rằng không thể tìm thấy chủ thể - là người trải qua những kinh nghiệm khổ đau hay vui sướng và cả đối tượng cũng không thể tìm thấy. Tất cả hoàn toàn không có thực thể khách quan độc lập. Mặc dù ta có thể hiểu được hiện hữu của mọi sự xuyên qua thực tại qui ước, tuy vậy chính thực tại qui ước ấy vốn cũng chỉ là không.

Nguyệt Xứng kết luận, “*Tự tánh chỉ giản dị là hư vọng. Phủ định tự tánh, đó chính là trí tuệ rốt ráo về tánh không.*”

Trong Vô Nhiệt Nảo Văn Kinh có đoạn nói rằng tất cả những gì đã tùy vào duyên tố bên ngoài mà sinh ra thì chính sự sinh đó không thể có tự tánh.

Vô Nhiệt Nảo Văn kinh nói:

*Từ duyên sinh ra, ấy là không sinh
Vì sự sinh ra vốn không tự tánh
Sự nào tùy duyên, sự ấy là không
Ai biết như vậy sẽ luôn thanh tịnh*

Kiến giải này của Trung quán không đi ngược với kinh Phật.

Các Ngài đã y kinh giảng nghĩa dĩ nhiên là không thể đi ra khỏi phạm trù của kinh điển vì sợ tam thể phật oan.

Vậy thì cái gì không tùy duyên mà sinh ra mới có tự tánh?

Tôi nghĩ nếu các Ngài quán thêm một chút nữa thì hình như Sắc là Sắc. Không là Không.

Ngũ uẩn bên ngoài tùy duyên hay vô duyên tạo thành thân tâm, sắc tướng?

Ngũ uẩn tạo thành thân ta hình như có tự tánh hay không tánh?

Tất cả đều hiện hữu từ không, nhưng sinh diệt (có không, không có) luân hồi trong vô thường. Tuy nhiên, trong vô thường đó tự tánh tự nó vô sinh vô diệt.

Cái tự tánh này không là tự tánh kia mà là tự tánh.

Tự tánh khi không còn phân biệt sinh diệt là vô tự tánh. Tự tánh sau khi vô sinh vô diệt là tự tánh bất nhị, không tánh.

Tánh không, không kể trong tâm hay ngoại cảnh của tất cả mọi hiện tượng là nét đặc thù của Trung quán. Hiểu thấu đáo điểm này mới có thể giải thoát được toàn bộ mọi ràng buộc phiền não. Tiếng Phạn gọi phiền não là klesha, tiếng Tạng gọi phiền não là nyon mong, nghĩa là “xung đột nội tại.” Xung đột trong lòng đưa đến đau khổ thân tâm.

Một khi đã nói về tự tánh chân thật của thực tại thì nội tâm ngoại cảnh chỉ là không hai ... tánh không.

Tôi nghe như vậy, giác tường tận, ngộ thấu đáo tính chất của tánh không là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát toàn diện khổ đau luân hồi.

Trong Tam giải thoát môn. Nếu xét về chính bản thân của sự vật, sẽ thấy sự vật không có tự tánh và không có đặc tính. Đây là

cánh cửa giải thoát thứ nhất, cửa Không. Nếu xét về nhân, sẽ thấy sự vật không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Đây là cánh cửa giải thoát thứ hai, cửa Vô Tướng. Nếu xét về quả, sẽ thấy sự vật không thiếu, không đủ. Đây là cánh cửa giải thoát thứ ba, cửa Vô Nguyên.

Ba lối thoát từ 3 vô tự quan này thật ra chỉ là ba diện mục của cùng một bản lai không của vô môn quan.

Vô môn quan ràng buộc vô ngã hay vô ngã tự ràng buộc bởi vô tự quan?

Cái gì trói buộc được tánh không?

Kinh Phật có nói trí tuệ chứng ngộ tánh Không không những là cánh cửa chân thật duy nhất, mà cũng là con đường độc nhất đưa chúng ta ra khỏi vòng kèm tỏa của vô minh mang đến lo ngại, khổ đau, sinh tử luân hồi.

Ngài Tịch Thiên, một vị cao tăng Ấn Độ sống vào thế kỷ thứ tám, có nói như sau,

*“Phật tử chân chính / Khi gặp nghịch cảnh,
An định vững vàng / Đứng yên như cây”.*

Ngài Tịch Thiên nhắc nhở nghịch cảnh từ ngoài tự nó không nhất thiết phải khiến nội tâm xáo trộn. Ngay trong cảnh ngộ khắc khe nhất, nguyên do chính của khổ đau vẫn là vì thâm tâm chưa thuần nên bị phiền não chi phối, động tâm. Nếu không hiểu được điều này, chúng ta sẽ tiếp tục dung túng phiền não, để nó tự tung tự tác, bất kham.

Trong Bài Kinh về Mũi Tên (Sallatha Sutta, Tương Ưng Bộ Kinh, SN 36.6) đã phân tích, sự khổ đau gồm có hai thể dạng khác nhau đó là sự đau đớn trên thân xác, và các xúc cảm trong tâm thần. Đức Thế Tôn so sánh hai thể dạng ấy với bản thân bị trúng hai mũi tên: mũi tên thứ nhất là những sự cảm thọ đau đớn của vật lý trên thể xác, và mũi tên thứ hai là những nỗi đau buồn, và lo lắng do tâm lý tạo ra bởi tâm thức.

Cái đau của cơ thể, và các xúc cảm khổ phát sinh từ tâm lý chỉ là các hình thức khổ đau của tục đế, khổ trong khổ, đau trong đau.

Ngay cả Đức Phật lúc hiện tiền cũng bị cảm thấy sự đau đớn của bản thân nhưng Ngài không cảm thọ khổ sở vì Bát Giác Ngộ vô bố úy. Ngài đã giải thoát nên tâm trí không bị phiền não trói buộc.

Bài viết Buddhism's Pain Relief của học giả Phật Giáo Rick Heller được Hoang Phong bình luận rất viên diệu, “*sự đau đớn đôi khi không nhất thiết phát sinh từ một nguyên nhân mang tính cách vật lý mà là những sự "tạo tác tâm thần," chẳng hạn như những chứng đau đớn nhưng không có một sự chấn thương nào xảy ra.*”

Hoang Phong chú thích:

“*Specificity theory/théorie de la spécificité/thuyết đặc thù hay chuyên biệt phát sinh từ quan điểm triết học của triết gia Descartes (1596-1650) chủ trương tính cách "cơ học" (mechanism/cơ giới) của tất cả các hiện tượng qua sự liên kết giữa nguyên nhân và hậu quả. Quan điểm triết học này đã đưa*

đến một cuộc cách mạng khoa học trọng đại ở Âu Châu vào thế kỷ XVII, đặc biệt nhất là trong các lãnh vực Thiên Văn, Vật Lý và Y Khoa. Quan điểm triết học này của Descartes đã ảnh hưởng sâu đậm đến toàn bộ các nền văn hóa, khoa học và tư tưởng Tây Phương. Tinh cách "duy lý" (cơ học/cơ giới) đó cũng đã ít nhiều đi ngược lại với tín ngưỡng độc thần của Âu Châu vào thời bấy giờ, có nghĩa là sự vận hành của mọi hiện tượng mang tính cách máy móc và không tùy thuộc vào một "ý chí tối thượng" nào cả. Trở lại với lãnh vực Y khoa thì quan điểm triết học trên đây cho rằng sinh vật là một bộ máy (animal-machine/động vật máy), từ đó đã làm phát sinh ra ngành Y Khoa Cơ Học (medicine-mechanistic/médecine-mécanique) và sau đó đã chuyển dần sang một hình thức tân tiến hơn là ngành Y Khoa Khoa Học (Medical-Scientific/Médecine Scientifique) như ngày nay. Theo ngành Y Khoa Cơ Học thì tất cả các hiện tượng bệnh lý đều là do các nguyên nhân mang tính cách vật lý gây ra."

Hoang Phong ghi chú, Phật Giáo quan niệm khổ đau còn mang những thể dạng tinh tế, và sâu kín hơn thế rất nhiều. Đó là "*khổ đau của khổ đau*," "*khổ đau vì vô thường*," và "*khổ đau vì sự hiện hữu trôi buột*."

Nói một cách khác là các nỗ lực của khoa học gia uyên bác ngày nay với những khối óc thật thông minh, xuất thân từ những trường đại học danh tiếng nhất thế giới, được trang bị bởi các kỹ thuật hiện đại và tinh xảo nhất chẳng hạn như máy chụp hình não bộ bằng từ tính, cũng chỉ là để đẩy một cánh cửa mà Đức Phật đã mở sẵn cho chúng ta đã hơn hai mươi lăm thế kỷ trước."

Các khoa học gia chỉ có thể giải thích về hai thể dạng khổ đau của vật chất, và tinh thần đó dựa vào kiến thức, và kinh nghiệm của những ngành khoa học tân tiến hiện đại như Tâm Lý Học, Phân Tâm Học, Thần Kinh Học, Y Khoa Học, Vạn Vật Học, v.v.... chứ họ đa số tối đa không hiểu biết gì về trí tuệ Phật Giáo.

Hoang Phong viết:

“Chữ khổ đau/suffering/souffrance chỉ là một từ thông dụng. Ý nghĩa của sự "khổ đau" trong giáo lý Phật Giáo (tiếng Phạn là dukkha tiếng Pali là dukkha) gồm có ba thể dạng: 1) Dukkha dukkha: là các thứ khổ đau thô thiển nhất trên thân xác và cả trong tâm thần: đau đớn và các xúc cảm dữ dội, kể cả sự sinh, bệnh tật, sự già nua và cái chết, tóm lại là sự khổ đau này được biểu trưng bởi cả hai mũi tên: một đâm vào thân xác và một đâm vào tâm thần; 2) Viparinama dukkha: là những thứ khổ đau mang lại từ bản chất vô thường của mọi hiện tượng, sự khổ đau này thường được diễn đạt bằng thuật ngữ "bất toại nguyện". Đối với Phật Giáo, sự khoái cảm - kể cả các thứ lạc thú dục tính - sự thanh thản hay hạnh phúc... cũng là khổ đau, bởi vì mình muốn những thứ thứ này phải kéo dài thế nhưng chúng lại không kéo dài như mình mong muốn; 3) Sankhara dukkha: là khổ đau của sự hiện hữu, một thể dạng khổ đau thật tinh tế, sâu kín và cùng khắp, liên quan đến tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ và trong tâm thần của mỗi cá thể, xuyên qua quy luật của sự tương liên, tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng (pratityasamutpada), còn gọi là sự "tạo tác do điều kiện mà có", tóm lại là sự hiện hữu của chúng ta là một sự trói buộc vô cùng chặt chẽ với sự hiện hữu của tất cả các hiện tượng khác, từ hữu hình cho đến vô hình. Thuật ngữ "Giải Thoát" trong Phật Giáo có nghĩa là vượt thoát khỏi tất cả mọi hình thức trói buộc mang

tính cách khổ đau đó, tức là Sự Thật Thứ Ba trong Bốn Sự Thật Cao Quý.”

Buddhism's Pain Relief được Rick Heller phân tích qua y học, và tâm lý học, được Hoang Phong giải thích, và kết luận như sau:

“Thiền định hay việc luyện tập tâm linh tinh thức nhằm đối đầu với các thứ khổ của khổ đau hầu mang lại cho mình sự thanh thản chưa hẳn là Phật Giáo. Đây cũng chỉ là một cách đánh lạc hướng chủ đích cao quý và tối thượng trong giáo huấn của Đức Phật là sự Giác Ngộ và Giải Thoát. Khuyết hướng áp dụng giáo huấn Phật Giáo vào việc tìm kiếm sự thoải mái trên đây phản ánh một góc cạnh nào đó về sự phát triển hiện nay của Phật Giáo trong thế giới Tây Phương.

Tóm lại những gì nêu lên trong bài viết Buddhism's Pain Relief của Rick Heller cũng chỉ lần quần ở thể loại khổ đau thứ nhất tức là dukkha dukkha mà tác giả Rich Heller gọi là suffering trong đó gồm có sự đau đớn trên thân xác và xúc cảm trong tâm thần. Giải thoát khỏi những thứ khổ đau này cũng chỉ mang lại một sự thanh thản, và đây chưa phải là cách giúp mình đạt được sự Giác Ngộ.”

(<http://palousemindfulness.com/docs/buddhism-pain.pdf>).

Các khoa học gia đó dù đã có kiến thức để chứng nghiệm được sự thật về hai mũi tên của đau đớn trong đau khổ với phương pháp an thần tạm thời nhưng họ không có được trí tuệ để có thể diệt được đau khổ mà vẫn còn lần quần trong vòng phàm phu nhất của khổ đau tục đế mà thôi.

Khoa học vật lý bây giờ mới khám phá ra luật nhân quả (cause and effect) nhưng đa số nhân sinh vẫn chưa thật sự thông thạo lý duyên khởi. Hơn nữa, những lối giả thích đơn thuần rất tục đế về luật nhân quả, và vô sinh vô diệt cũng không phải đơn giản như thị tri kiến. Vì những “hiện sắc quả” từ ngũ uẩn đó là do bởi hàng tỷ tỷ tổng hợp xác suất (probabilities) của duyên khởi từ vô lượng kiếp phải cần đến siêu computer, trí tuệ AI mới phân tích nổi.

20 tỷ cái nhân, tương tự như 20 tỷ tinh trùng, chỉ có độc nhất một nhân tạo ra độc quả, hay đa quả. Đó là kỳ duyên bất trùng lai hay nghiệp báo vô đơn chí mà chúng ta thường kinh nghiệm như là kỳ tích trùng số độc đắc hay luôn bị “trúng tử.”

Vậy thì những nhân duyên 20 tỷ trừ 1 đó đi đâu?

Những nhân duyên tương hồ như bất khả đắc đó cũng được kết quả trong cõi vô sắc tướng hay chờ lúc chín mùi để thành sắc quả trong không-thời gian này, hay trong những cõi phi sắc tướng khác, song song với cõi sắc mà chúng ta đang kinh nghiệm.

Điều mà tôi muốn nói ở đây là cái thân thức ngũ ấm của chúng sinh này không đủ khả năng, lẫn quyền lực để sáng tạo nhân quả cho chính mình. Thực tại mà chúng ta đang nhậm vận là do hậu quả của những chu kỳ biến động tương quan mật thiết của duyên khởi trong vũ trụ.

Cái lý trung đạo này ở giữa tự lực và tha lực, quá khứ và vị lai, sáng tạo và tiến hóa.

Tôi không biết giải thích thế nào cho thỏa đáng để khỏi tự mâu thuẫn trở thành ba phải, nhưng nó 3 phải đúng như vậy mà không phải đúng cả ba như vậy, vậy mà nó như thị tri kiến như vậy.

Trong bài kinh Rahogata Sutta (Samyutta Nikaya, SN 36.11) có thuật lại có một vị tỳ kheo chất vấn Đức Phật rằng nếu đã gọi năm thứ cấu hợp (ngũ uẩn) là khổ đau, tại sao giác cảm (vedana) lại được phân loại là thích thú, khó chịu và trung hòa, có phải đây là một sự nghịch lý hay không?

Đức Phật giải thích rằng vô thường (anicca), và sự trói buộc của mọi hiện tượng (pratityasamutpada) đều là khổ đau. Do đó, *"tất cả những gì thuộc vào thể loại giác cảm cũng đều thuộc vào các thể loại ấy."*

Có nghĩa là cảm giác, tâm lý hay vật lý, cũng chỉ đơn thuần là một hiện tượng trói buộc dù trong vô thường. Cho dù là mang tính cách thích thú, đau đớn, hay trung hòa cũng là bị kèm chế, không được tự do, không thể giải thoát được dù chỉ là trong khoảng khắc nhưng hậu quả đau khổ của thâm tâm thì triền miên vì chấp thường.

Khoái lạc đi đôi cùng đau khổ. Câu hỏi của vị tỳ kheo đó là câu hỏi “kém minh” vì bản lai của ngũ uẩn là giai không chứ không có diện mục khổ đau. Ngũ uẩn từ duyên khởi mà hợp tan trong vô thường không liên quan gì đến khổ đau.

Như ý Đức Phật dạy ở trên, chấp thường hằng, chấp cảm thọ, chấp sắc tướng, chấp bản ngã, và vì bám sở trụ với những vô thường đó mới sinh ra khổ đau.

Thêm nữa, trong Đại Bát Niết Bàn Kinh (Digha Nikaya/Trường Bộ Kinh - phẩm 16.2.1/bài kinh giảng ở làng Koti trong Đại Bát Niết-bàn Kinh) Đức Phật cho biết rằng sở dĩ chúng sinh bị vướng mắc trong cõi luân hồi và không sao đạt được giác ngộ ấy là vì họ không quán triệt được sâu xa ý nghĩa của dukkha/khổ đau là gì.

Vì nhân sinh không thấy được diện mục của khổ đau, không biết được bản lai của đau khổ để mà đối phó nên càng lo lắng, thêm phiền não trở thành đau khổ trong đốn đau, đau buồn trong khổ sở như bị trúng hai mũi tên cùng một lúc mà vẫn loay hoay tìm lý do tại sao thay vì cấp thời tìm cách cứu chữa.

Bản chất của phiền não đưa đến đau khổ tâm sinh lý chẳng qua chỉ là những tập tục do tâm thức chủ quan, chấp ngã, từ vô lượng kiếp. Nó chỉ là tương đối, hoàn toàn không có sở tánh.

Nếu trong lòng ta cảm thấy đau khổ, tại vì trong tâm ta còn tồn tại một nghiệp ác tương ứng. Nếu trong nội tâm ta không còn có ác ý nào thì ta sẽ không có cảm giác thống khổ.

Nếu trong lòng ta cảm thấy hạnh phúc, điều đó nói lên rằng trong tâm ta có tồn tại một nghiệp thiện tương xứng. Nếu trong nội tâm ta không có được một thiện ý nào thì ta sẽ không thể có được cảm thọ sung sướng.

Nếu trong lòng ta cảm thấy khoái lạc, điều đó nói lên rằng trong tâm ta đang có ngầm một nghiệp đau khổ tương ứng vì chấp thường.

Nếu trong lòng ta cảm thấy đau khổ, điều đó nói lên rằng trong tâm ta đang có ngằm một nghiệp khoái lạc tương xứng trong vô thường.

Những luận điệu trên cũng chưa phá hết vô minh.

Kẻ đại thiện, đại đức khi đang thực hiện những điều cực thiện, cực từ bi mà tâm không ổn định thì họ vẫn bị trói buộc trong khổ đau.

Kẻ cực gian, cực ác khi đang hành động những điều đại gian đại ác mà không động tâm họ vẫn kiến được tánh, khổ đau không trói buộc được họ.

Kẻ an tâm dù có đang múa kiếm giữa trận tiền, chém đầu trăm họ, họ vẫn kiến tánh.

Tóm lại, nếu không nghĩ thiện, nghĩ ác thì không còn bị trói buộc vào khoái lạc, và đau khổ.

Tự trói buộc khoái lạc, và đau khổ với thiện ác cũng là hành động của vô minh từ tham sân si, chấp ngã mà ra.

Nhân chi sơ tính bản không thiện không ác. Con người sát sanh để sinh tồn như những động vật khác trên thế gian đó là bản chất tự nhiên của muôn loài nhưng sát sanh, tra tấn, hành hạ để thỏa mãn ác tánh thì chỉ con người là con thú vật duy nhất có cái tâm dã man này.

Nói theo tục để nhân chi sơ tính bản thiện lẫn ác nếu họ cố tình làm những điều đó. Đây là những điều mà đa số chúng ta tạo

ngiệp hàng ngày trong lòng lẫn hành động để thỏa mãn bản ngã độc tôn, tham sân si.

Đa số chúng ta hồi còn nhỏ dại cũng đã vô tình tạo ra những nghiệp ác nhỏ này như hành hạ, phạm tội sát những sinh vật bé nhỏ hơn ta nhưng vì hồi đó, chúng ta đã ham chơi, thiếu suy nghĩ chính chắn như những kẻ trưởng thành chứ không cố tâm làm ác. Nếu không được chỉ dạy điều thiện ác để mà hành xử chính đáng thì lúc lớn lên chúng ta sẽ phạm những chuỗi (serial crimes) tội ác lớn hơn một cách rất “tự nhiên” để thỏa mãn những đòi hỏi của ác tánh mà không có một chút mặc cảm tội lỗi. Đây là những dữ kiện hiển nhiên mà chúng ta thấy nhan nhản hàng ngày chung quanh, và ngay chính trong tâm trí của ta dù nó chưa trở thành hành động tức thời.

Ấu đây là những ác nghiệp vô tình lẫn cố ý mà chúng ta đang phải trả trong hiện tại mà khổ đau là hình phạt để chúng ta sám hối. Đó cũng có thể là lý do mà lúc chúng ta bị hoạn nạn, bệnh hoạn, chúng ta nguyện cầu, van xin tai qua nạn khỏi mà không được cứu khổ?

Đạo Phật theo tôi “thấy” là đạo dạy cho ta giải thoát, giác ngộ. Tâm lý học, Đạo đức học, Luân lý học, Luận lý học, Triết lý học, Xã hội học, quy luật, pháp luật, ngay cả khoa học nhân văn cũng chỉ là những luật lệ nhân định với mục đích để kỷ luật con người tránh làm những điều phạm pháp, và để duy trì an ninh xã hội. “Chúng sinh luật nhân tạo” này chỉ có nghĩa lý thiện ác, xấu tốt đối với con người, xã hội, và môi trường của tập đoàn đó chứ không ảnh hưởng gì đến “thiên” nhiên, và tự nhiên của vũ trụ.

Nếu như khoa học có khả năng để giúp nhân sinh thấy, biết, và nhớ được những tiền kiếp trong quá khứ cũng như hậu kiếp trong vị lai của mỗi cá nhân, cha mẹ mình đã là con cái mình, con cái mình sẽ là cha mẹ mình, nợ duyên, oan gia sẽ, và đã là những kẻ thương ghét ra vào gặp mặt, chung sống thường nhật thì cái quan niệm nhân sinh quan, cùng nền tảng đạo đức luân lý, liên hệ gia đình, giao tế trong xã hội sẽ bị đảo lộn, đạo lý cương thường sẽ hoàn toàn thay đổi, rất khác biệt, không như những luật lệ nhân tạo hiện tại.

Có được lục thần thông qua những “trí tuệ nhân tạo” bởi văn minh khoa học mà chưa tự đạt tới được căn bản trí tuệ của Phật pháp thì sẽ đi vào đường “ma tuệ, ngụy trí tuệ.”

Cho nên, theo thuyết luân hồi, trước khi đi đầu thai nghiệp thức phải “ăn cháo lú” để quên tiền kiếp cho được công bằng với thế nhân?

Có thể vì vậy mà chúng ta phải vô minh trước khi tái sinh vào một kiếp nhân sinh mới, phải lú lẫn trước khi tái sinh như những chúng sinh khác?

Nói theo “khoa học vật lý” đó là vật chất phải được xóa hết lịch sử (memory lost) trước khi thay đổi (transform) cảnh giới mới. Tuy nhiên, không có động nghiệp gì (ngay cả IT trong computers) đã thành quả mà có thể xóa bỏ (delete) được. Tất cả nghiệp quả đã qua được chứa đựng trong những A lại da thức (databases) khác để chờ những duyên khởi sở trụ trên ngũ uẩn (bản thể) mới. Tất cả vật chất trong vũ trụ điều có thể thay hình đổi dạng, tái sinh, tái sử dụng, recyclable.

Hình như, chỉ có nhân sinh là sinh vật duy nhất được đại hồng phúc có vô minh, biết cảm thọ được đau khổ, và hưởng thụ khoái lạc bởi nhờ tham sân si. Nhất là nhân loại biết sở trụ vào quyền sở hữu của những vật chất, sắc thân vô thường, làm điều thiện ác tùy ý thích, và đặc biệt là được tái sinh, đau, già, chết, rồi lại luân hồi. Đây là những điều mà những thần tiên bất tử mong muốn mà không được, cầu bất khả đắc, trừ khi họ chui vào tấm da người, tấm thân ngũ uẩn, để được kinh nghiệm những diễm phúc vô thường này.

Cho nên, được đầu thai làm chúng sinh là tiểu kỳ tích mà được làm nhân sinh là đại kỳ duyên. Còn hơn đại sự giác ngộ, giải thoát. Không trở lại cõi này nữa dễ hơn là tái sinh với những thử thách mới lạ, hấp dẫn, dặt gập trên đời.

Có thể đây là lý do mà đại đa vẫn bám lấy sự sống dù biết là tam bộ, không muốn chết để được lên thiên đàn hay tiêu diêu cực lạc?

Một năm tiên cảnh (immortal in heaven) đó nó nhàm chán còn hơn một kiếp trần ai. Trường sinh bất tử, nó khả bố úy, “tù túng” còn hơn những nỗi khổ đau trên trần thế nhưng đây “tự do đau khổ” của kiếp người (mortal).

Không hiểu con người mong giải thoát từ cái gì, khỏi cái chi?

Cái họ bị nó trói buộc hay cái họ trói buộc nó?

Nhân sinh thường tự mâu thuẫn với chính mình. Đứng núi này trông núi nọ. Ở bờ này mong quá giang qua bên kia. Không bao giờ thỏa mãn. Không thật sự biết mình muốn gì?

Những suy luận trên rất khó chứng minh, và giải thích trên tinh thần khoa học, và nhất là thiếu luận lý (logic) căn bản để thuyết phục được những đầu óc chứa đầy thực tiễn của Tây học.

Mà cho dù cố tâm giải thích thì rất khó tìm được kẻ tri kỷ vì bất trí tuệ như lá mùa Đông nhưng những thiện tri thức thì thời nào cũng có trên internet chỉ sợ mình chưa đủ trình độ, khả năng, công lực, và đức hạnh để tải đạo mà thôi.

Đức Phật cũng có tinh thần khoa học, Ngài đã từ khước những điều chưa hiểu, không cần thiết, kém thực tế, chưa chứng nghiệm mà vội mê tín cả tin dù những lời đó được thuyết, và nghe được trực tiếp từ kim khẩu của Đức Thế Tôn.

Tóm lại, tất cả những suy luận trên cùng đều là vô minh, không cần thiết cho tâm bệnh cấp thời. Vì không biết lối thoát, không dám đối diện với sự thật nên nhân sinh loay hoay với những lý do, cố tìm những giải thích đích đáng để bào chữa cho căn bệnh di truyền của mình. Thay vì cấp thời tìm kế thoát khỏi khổ nạn rồi tâm tư tự nó thông suốt, hóa giải trước khi thối mất. Có thể vì vô minh như vậy mà con người tự mình trói buộc thêm, tự làm rối rắm, rắc rối thêm cho chính mình nên khổ vẫn hoàn khổ?

Ngoài vô minh này còn có những lớp vô minh khác liên miên bất khả tận.

Vô minh là bản chất của chúng sinh, nhất là con người. Đó là căn bệnh nan y, di truyền của những tập tục tích lũy từ vô lượng kiếp. Từ khi chưa có nhân loại cho tới lúc nhân sinh hiện hữu tới ngay cả bây giờ, không có một tôn giáo nào, một thánh nhân

nào tìm ra được giải pháp ổn thỏa cho vấn nạn này trừ Được Vương Đức Phật.

Đức Dalai Lama giảng:

Vô minh là nền tảng của mọi phiền não, và phiền não nhất định sẽ dẫn đến khổ đau. Vô minh và phiền não là nguyên nhân của khổ [Tập đế], những gì vô minh và phiền não mang đến, đó chính là khổ [Khổ đế]. Tuệ giác tánh không, là đường tu thoát khổ [Đạo đế], và sau hết, giải thoát nhờ Tuệ giác ấy, đó là sự diệt khổ chân chính [Diệt đế].

Vì vậy, tôi nghe như vậy, giác ngộ Tuệ Giác Tánh Không (Không Tuệ) vẫn là phương pháp trực tiếp để buông xả phiền não. Không Tuệ là Phật được hữu hiệu nhất để xoa dịu khổ đau trong lúc đang ở trong cái túi da người.

Ý kinh Bát Nhã về tánh không luôn sáng tỏ:

Không có thiện ác, khoái lạc, khổ đau hay không đau khổ.

Không có vô minh, không có không vô minh.

Vì vô minh nên mới chấp ngoại cảnh rồi bị sắc vật vô thường chi phối bản tâm thân đưa đến đau khổ bởi vì quái ngại, bố úy.

Trung quán nói rằng Duy Thức phủ nhận thực tại của thế giới bên ngoài là vì, theo Duy Thức, muốn chấp nhận thực tại của thế giới ngoại cảnh, phải chấp nhận có những đơn vị nguyên tử và hạt tử tối sơ bất khả phân. Hạt tử như vậy, nếu có, sẽ là đơn vị cấu trúc vật lý, làm nền tảng hình thành thế giới khách quan.

Khái niệm về đơn vị nguyên tử tuyệt đối bất khả phân là điều không thể chấp nhận, nên Duy thức phủ nhận thực tại khách quan của thế giới ngoại cảnh.

Khoa học ngày nay đã phân tích được tận cùng những hạ lượng tử nhưng vẫn chưa khả phân được tới hạt lân hư trần trong cõi sắc tướng huống gì đạt thành công để thấy cái không, vô nhất vật đó.

Vì kiến đạt tới cái không đó thì nó không còn là không nữa.

Khoa học đã chứng minh, phân tích, và đo lường được lượng tử (particles) nhưng vẫn chưa hiểu nổi cái sắc tướng, vật chất khả phân, cái giới hạn, cái tánh không tận cùng, bất khả phân, tuyệt đối của lượng tử.

Họ không hiểu tại sao khi cố tình quan sát thì lượng tử trở thành hạt (particles, sắc)? Hay hiện tượng sắc tướng đó chẳng qua chỉ do tâm tạo ra chứ không có thật?

Ngược lại khi không quan sát hạt đó trở thành sóng (wave, ảo, vô sắc tướng)?

Vậy thì cái gì là bản lai diện mục, cái tự tánh nguyên thủy của nó? Phi sắc tướng, ảo, wave, sóng?

Điều mà khoa học chưa nghĩ tới đó là vô sắc tướng, ảo, wave, sóng, phi vật chất, tâm thức đó có thể đo lường, và phân tích đến tận cùng được không?

Câu trả lời thông thường, ngay bây giờ, là chúng ta không thể đo lường, và phân tích phi vật chất, nói gì đến tận cùng, tuyệt đối.

Theo tôi, nếu dựa vào trí tuệ của Phật Giáo cùng thuyết vũ trụ toàn ký (universe is a hologram) của Bohm, và Pribram thì những điều nan giải này có thể khả thi cho thế giới nội tâm.

Theo lý thuyết của Bohm và Pribram thì bộ não là một hologram cuộn vào trong vũ trụ toàn ảnh (the brain is a hologram enfolded in a holographic universe).

Bohm chứng minh: *“Hãy lấy một con cá vàng đang bơi trong bể cá cảnh và tưởng tượng rằng bạn chưa bao giờ thấy một cảnh tượng như vậy, mọi nhận thức của bạn chỉ có được nhờ hai camera tivi A & B quét từ hai góc khác nhau. Khi nhìn vào hai màn hình tivi bạn lầm tưởng đang quan sát hai con cá vàng. Song theo dõi một lúc bạn thấy rằng có mối liên hệ đồng bộ giữa hai con cá này. Như vậy hai ảnh trên hai màn hình chỉ là hai biểu hiện của một thực thể ở mức sâu hơn, trong trường hợp này thực thể đó là bể cá cảnh với cá vàng bên trong.*

Từ việc tìm hiểu não bộ lưu trữ trí nhớ bằng cách nào và ở đâu, Pribram cho rằng trí nhớ được xem như là những xung lượng thần kinh đan chéo chằng chịt trong não bộ tương tự như những hình ảnh giao thoa tia laser trên một diện tích của hologram (trước đây người ta tin rằng trí nhớ nằm trong não bộ. Mỗi dấu vết trí nhớ gọi là một engram, tuy chẳng ai biết engram được cấu tạo bằng gì). Nếu như một phần của hologram có khả năng tái tạo toàn ảnh của một vật thì mỗi phần của não bộ cũng chứa tất cả thông tin để phục hồi toàn bộ trí nhớ.”

Tôi xin giải thích thí nghiệm “con cá sống vì nước” của Bohm qua lăng kính Phật Giáo.

Ngay cả con cá vàng duy nhất bơi lội trong cảnh đó tự nó cũng là đồ ảo. Nếu con cá vàng đó tượng trưng cho đồng nhất thể thì có thể cái đồng nhất thể đó cũng không phải là đồng nhất thể mà là không thật ... thể?

Con cá vàng độc nhất đó từ không trở thành nhất nguyên rồi thành nhị nguyên trên phương diện sắc tướng qua quan sát của 18 căn trần thức của người quan sát.

Nếu không có kẻ quan sát, không có vật để được quan sát thì “cái chi đó” là Sắc hay Không?

Nếu không có con người thì “vũ trụ nhân quan” đó có hiện hữu không?

Thì ra khoa học luôn luôn “*sang trang chạy quàng*,” không bao giờ là chân lý?

Cũng như những khoa học gia khác, Bohm chỉ thấy trên phương diện biến hóa vô thường của sắc tướng. Ông ta chưa thấy cái nội tâm dù nó có bị phân tách ra hàng tỷ “lượng tử tâm” đó nhưng trong mỗi lượng tử sắc đó thì cái information đó, cái memory đó, cái tâm ý thức đó vẫn đồng nhất thể.

Đơn giản hơn, tâm có thể phân chia để chui vào 7 tỷ nhân sinh nhưng tâm đồng nhất thể ... ảo.

Tâm không ở trong ta mà vũ trụ ở trong tâm.

Tâm là tâm!

Vũ trụ của chúng ta có thể là một hologram khổng lồ (Our World May Be a Giant Hologram). Thuyết này đã mở ra một kỷ nguyên của khoa học tân vật lý. Vũ trụ toàn ký cũng như Bát Nhã Tâm Kinh, nó đánh đổ tất cả lý thuyết của khoa học vật lý hiện tại.

Vũ trụ toàn ký thống nhất nhiều hiện tượng từ vật lý đến các khả năng kỳ diệu của não bộ. Ngoài khoa học vật lý, Vũ trụ toàn ảnh sẽ có tác động lớn lao đến triết học, và là nguồn cảm hứng của nhiều ngành nghệ thuật, và kỹ thuật khác để phục vụ nhu cầu của nhân loại.

Nếu điều này là “thật” thì nhân sinh không còn lo lắng, không cảm thấy đau, không cảm thọ sướng cứ như những nhân vật (cartoon characters) trong phim vẽ, và hoạt họa vậy.

Nhất là chúng ta không chết chỉ biến dạng nên có thể thực hiện được cái mơ ước du hành khắp đa vũ trụ, thay đổi đa cảnh giới, mà không cần phải chế tạo ra phi thuyền vật chất với khả năng giới hạn vật lý.

Nhưng mà tới lúc đó thì “*đời sẽ mất vui khi đã vẹn câu thề*” giác ngộ, giải thoát, thành trời phật?

Thi sĩ Anh William Blake có câu thơ:

*To see a World in a Grain of Sand
And a Heaven in a Wild Flower,*

*Hold Infinity in the palm of your hand
And Eternity in an hour.*

Lê Huy Trứ phóng dịch, diễn nghĩa:

Để thấy Ta bà trong một Hạt cát
Và Niết bàn trong một Đóa hoa Rừng,
Hãy giữ Vô thường trong bàn tay mình
Và Hữu thường trong một sát na.

Đến vài năm sau này, khoa học mới nhận thấy rằng thế giới vật chất chỉ là những hình ảnh không thực, là những phóng ảnh của một “quang thể” vượt ra ngoài không gian và thời gian, và vượt ra ngoài tầm hiểu biết vô minh của con người.

Lý thuyết toàn ký trên chẳng qua chỉ là sự lý giải qua kinh nghiệm hạn hẹp của khoa học nhân văn so với những quan niệm của Phật Giáo đã có từ hơn 2500 năm về trước.

Quả thật như vậy, khái niệm về Chân Không Diệu Hữu, hay quan niệm về Chân Đế, và Tục Đế của Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận, và quan điểm về Tâm Chân Như, và Tâm Sai Biệt của Bồ Tát Mã Minh trong Đại Thừa Khởi Tín Luận đã mô tả rõ ràng, và đầy đủ trí tuệ hơn lý thuyết vũ trụ toàn ký của Bohm ở trên.

Những nhà Trung Quán thời xưa đã diễn tả những lập luận này như là những nhà thông thái, khoa học gia, và tâm lý gia với kiến thức bác học hợp cùng trí tuệ Phật Giáo.

Trung quán nói rằng lập luận này có thể được áp dụng vào thế

giới nội tâm. Là vì, nếu muốn chấp nhận thực tại của thế giới nội tâm, phải chấp nhận có những đơn vị diễn biến tâm thức tối sơ bất khả phân trong thời gian, hình thành thực tại của thế giới tâm lý. Điều này cũng không thể chấp nhận được, vì tâm thức chỉ có thể là dòng biến chuyển liên tục, tùy duyên mà thành, hoàn toàn không thể phân chia thành từng đơn vị tâm thức rời. Vì vậy cảnh giới của tâm thức cũng không có thực thể. Áp dụng đồng đều phương pháp suy luận này lên cả hai cảnh giới vật lý và tâm lý, các thầy Trung quán cho rằng phải như vậy mới có thể phá vỡ được cơ sở của lòng tham ái đối với mọi cảnh giới, bất kể ngoại cảnh hay nội tâm.

Dòng tâm thức liên tục một chiều, chi phối bản thân đó được khoa học gọi là năng lượng tối (dark energy,) luôn chân khí liên miên bất tận trong vũ trụ đen.

Nếu chấp nhận luận điệu nội tâm trên của Trung Quán thì dường như dòng tâm thức tùy duyên mà luân chuyển, nhân quả tự tâm duyên mà thành, nhân sinh tạo nghiệp bởi mệnh lệnh từ tâm khởi. Nhưng bản thân phải chịu trách nhiệm, bị trả quả báo thiệt bất công bởi vì tâm duyên khởi đưa đến những hành động vô ý thức?

Tất cả do tâm tạo!

Nhưng nếu không có nội tâm ngoại cảnh thì tâm sở trụ ở đâu để tạo ra vạn vật?

Không có thể khẳng định đúng hay sai trong những quan niệm đặc thù, và giải thích khác biệt giữa các tông phái ở trên. Khoa học cũng suy nghiệm trên lý thuyết vật lý chứ cũng chưa chứng

minh, và quan sát được những năng lượng, và dòng tâm thức này.

Vì như Đức Thế Tôn nói, tất cả chúng ta là những kẻ mù đang sờ con voi ... ảo tưởng.

Trong Trung Quán Luận, ngài Long Thọ có nói như sau:

*Chư Phật thuyết pháp
Đều nói nhị đế
Đó là Tục đế
Cùng với Chân đế*

Trong nghĩa vi tế nhất, hai chân lý trên như hai khía cạnh của cùng một thực tại, chứ không phải hai thực tại độc lập.

Hình như ngay giây phút này, tôi “bất đồng” y kinh giải nghĩa ở trên với Dalai Lama:

Sắc tức là không, không tức là sắc. Không chẳng khác sắc, sắc chẳng khác không.

Người Tây Tạng có câu, “*hãy tôn kính con người, và phán xét sở học.*”

Câu này chứng minh cho thái độ bi trí dũng, và cũng là biểu hiện cho điều Phật Giáo gọi là Tứ pháp y là y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa, y trí bất y thức.

Tuy nhiên, trong đoạn văn ngắn với vài ba chữ về sắc trong Tinh Túy của Bát Nhã Tâm Kinh dưới đây, Đức Dalai Lama cũng thú

nhận là Ngài đồng bất đồng với quan điểm “sắc chính là sắc” mà tôi “bất đồng” ở đây.

Trong Tinh Túy của Bát Nhã Tâm Kinh, Dalai Lama lướt qua cái điểm tối viên diệu này. Có thể vì nếu Ngài có giải thích cho phàm phu cũng mất công, chỉ làm họ thêm hồ đồ:

*“Sắc là một thực tại qui ước, một hiện tượng tương đối. Hiện tượng tương đối chỉ có thể biết được bằng nhận thức tương đối. Còn **tánh không của sắc là Chân đế**, là cảnh giới chân thật của sắc. Muốn chứng ngộ cảnh giới chân thật, chỉ có một cách là vận dụng chân tâm để quán chiếu chân tướng của thực tại. Tâm khi trực tiếp thấy tánh không, sẽ không thấy gì khác. Trong trường hợp đặc biệt này, chủ thể và đối tượng hoàn toàn biến mất.”*

Tóm lại, sắc là sắc trước đó là tục đế không có thực tánh. Sắc chính là sắc sau này chính là cái nhìn của Chân đế, chân tướng của không tánh?

Mà thực tại, quá khứ vị lai, bên này bên kia, bỏ tất phàm phu, chủ thể đối tượng hoàn toàn không ... biết dùng danh từ nào để miêu tả?

Vì vậy nên giả danh là Không, Mu, Ohm.

Rồi thì Ngài cũng phải lìa tâm kinh nhưng đồng Phật thuyết để thú nhận nhưng vẫn phải y kinh kết luận:

“Nếu quán chiếu sâu xa về sắc, phủ nhận liên tục, rồi cuối cùng

*vẫn lại tìm thấy sắc, thì phải nói rằng **thật tánh của sắc chính là sắc**. Nhưng sự thật không như vậy. Chân tướng của sắc là không, còn sắc là thực tại qui ước, là nền tảng thiết lập tánh không. Vì vậy mà nói câu khẳng định “không sắc, thọ, tưởng, hành, thức” chỉ có thể hiểu được từ tầm nhìn của người đang thâm nhập tuệ giác trực nhận tánh không.”*

(Tinh Túy của Bát Nhã Tâm Kinh, Essence of the Heart Sutra, Dalai Lama XIV, Hồng Như Thubten Munsel chuyển Việt Ngữ, Thư Viện Nalanda, Vietnamese Nalanda Library, <http://nalanda.batnha.org>, trang 128, đoạn văn cuối cùng)

Triết lý của Bát Nhã Tâm Kinh đã giúp tôi giải quyết được nhiều nghi vấn trong đời sống. Đây là một tâm kinh đặc ý nhất của tôi, càng đọc càng hiểu khác tùy vào duyên khởi, tâm “thì” lúc đọc.

Vị đại hành giả và đại học giả của thế kỷ thứ 14 này, Lama Tông Khách Ba [Tsongkhapa] từ trong giác ngộ thâm sâu nhất, đã viết ra những dòng sau đây để nói lên lòng cảm kích biết ơn, tán thán vô hạn đối với lời Phật dạy về chân lý tuyệt sâu của tánh không.

Mỗi khi nhớ lời Phật dạy, ý nghĩ này lại hiện trong tôi:

*Đáng bốn sư, giữa vùng hào quang sáng
Tỏa rạng ngời mọi tướng hảo Phật đà
Đã dùng pháp âm vi diệu,
Thuyết giảng giáo pháp này.
Ảnh Phật hiện trong tôi
An ủi trái tim mòn hao mệt mỏi
Như ánh trăng thanh mát*

Xoa dịu cõi nóng khô.

Trước đó, tôi cứ ngỡ tâm kinh là kim cương bất hoại nhưng bây giờ thì không ngờ tâm kinh cũng là năng đoạn kim cương. Hay đúng hơn là Bát Nhã Ba La Mật Đa có khả năng năng đoạn bất cứ vật chất lẫn phi vật chất trong vũ trụ.

Theo Đức Dalai Lama: *Trí bát nhã* [trí tuệ anh minh, TL] *nếu được tâm bồ* [cảm giác thân thiết, gần gũi như từ mẫu với tâm bình đẳng] *để hỗ trợ thì chúng sẽ có khả năng hóa giải hai loại chướng ngại đó là phiền não chướng, và chướng ngại vi tế của trí giác* [sở tri chướng].

Sau hết, khi lòng đại từ đại bi đều đã lớn rộng mạnh mẽ, kèm chung với tinh thần trách nhiệm cao độ, lúc ấy “thái độ vị tha phi thường” sẽ phát khởi. Đây là tâm nguyện khao khát muốn đưa toàn thể chúng sinh ra khỏi khổ đau luân hồi.

Tôi xin thêm chữ Dũng, Lòng vô úy, không khiếp nhược, ý chí cương quyết, nghị lực kiên cường cùng sức khỏe bản thân.

Bi Trí Dũng!

Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện.

Ngài Long Thọ trong cuốn Bảo Hành Vương Chính Luận (Ratnavali), có nói, *muốn đạt trí toàn giác của Phật, phải nắm vững ba nguyên tắc căn bản, đó là đại bi, tâm bồ đề, và trí bát nhã. Đại bi là gốc rễ. Tâm bồ đề mọc lên từ đại bi. Và trí bát nhã là yếu tố tối quan trọng, hỗ trợ hai yếu tố trên.*

Tất cả các bậc đại giác đều thấy rõ hạnh bố thí, biết nhược điểm của tâm lý cầu bố thí ích kỷ, và ưu điểm của tâm lý bố thí vị tha.

Ngài Tsongkhapa, một vị đại sư Tây Tạng, cũng có nói tương tự, rằng khi giúp đỡ toàn bộ chúng sinh, mọi nguyện vọng của mình tự nhiên không cầu mà vẫn được.

Nói cho cùng, tinh thần vị lợi tha, là thái độ thông minh nhất, là hạnh bố thí tối thượng, là tấm lòng quảng đại có thể có được để đáp ứng toàn bộ nhu cầu của chính mình.

Tập tục, vọng tâm chấp ngã, và luyện ái ích kỷ là những nguyên nhân chính của phiền não đưa đến khổ đau. Chúng nó hợp nhau chi phối đời sống của chúng sinh.

Hai động lực này vẫn sẽ tồn tại vững bền, cứng rắn như đá kim cương bất hoại, trừ phi chúng ta quyết chí nỗ lực khai mở trí bát nhã và tâm đại bi để ngăn đoạn kim cương mới giải thoát được.

Những lượng tử, lân hư trần trong vũ trụ hình như có tự tánh. Điều này đã được khoa học chứng minh qua khám phá của rối lượng tử. Những lượng tử, nền tảng cấu tạo ra vũ trụ này có linh cảm, tri âm, tâm thức dù lìa xa nhau nhau cả triệu năm ánh sáng. Mà tốc độ ánh sáng, không-thời gian không là vấn đề của truyền tin. Đức Phật gọi đó là Indra's Jewel Net tuyệt đối hoàn hảo với trùng trùng duyên khởi, nhân quả, hấp dẫn lẫn nhau của tất cả vật chất trong lưới Đế Châu. Như ngày nay trong thời đại không biên giới của IT trên internet.

“The Jewel Net of Indra, is a much-loved metaphor of Mahayana Buddhism. It illustrates the interpenetration, inter-

causality, and interbeing of all things. Here is the metaphor: In the realm of the god Indra is a vast net that stretches infinitely in all directions. In each "eye" of the net is a single brilliant, perfect jewel."

Mỗi tế bào trong 20 tỷ tế bào trong thân ta đều có tánh linh cảm, những tiểu tự tánh, tiểu bản ngã này tạo thành cái đại bản ngã, đại tự tánh, atman, cái tôi vĩ đại.

Đây là những chúng sinh mà ta là bồ tát muốn lắng nghe, thông cảm, và độ. Đây là những thần dân mà ta là vua có bốn phận thương yêu, và chăm sóc.

Đây là Quán Âm bồ tát mà ta cầu ta.

Ngày nào độ hết tất cả những chúng sinh này thì ta sẽ mới thành Phật.

Vì nếu chúng còn đau khổ thì liệu ta có yên tâm được không?

Chúng nó bỗng dưng lẳng đùng ra chết thì ta cũng đột nhiên trở thành tử bồ tát?

Nếu tôi, và gia đình là một trong những phần tử của 20 tỷ tế bào ở trong thân thể cá nhân đó thì khi tôi, và con cái tôi đau yếu, kẻ thân tôi đau khổ thì tôi phải cầu cứu cá nhân đó cho tôi uống thuốc, hay tìm lương y cho những kẻ thân vì tôi, và gia đình tôi có nhiệm vụ nuôi dưỡng tâm thân của cá nhân đó bằng cách sống trong sinh hoạt bình thường. Nhưng nếu cá nhân đó không lắng nghe cơ thể của mình, không nhủ lòng từ bi để cứu độ 20 tỷ chúng sinh đó thì hậu quả gì sẽ xảy ra cho tám thân đó?

Cái Nêu trên này đã giải thích được lý do, và mục đích của mỗi cá nhân là một phần tử của nhân sinh, ngay cả bò sát tới đây để làm gì?

Cũng như mỗi tế bào sinh trưởng trong cơ thể của mỗi cá nhân có nhiệm vụ gì trong cơ thể đó? Tuy chúng sanh trưởng ra đó, chúng sinh diệt đó trong vô thường nhưng chúng luân hồi, hay tái sinh là để làm những việc cần phải làm, nhưng vì vô minh nên không hiểu tại sao, như những con ong thợ hay đám kiến tha mồi về tổ nuôi gia đình, phục vụ cộng đồng trong khoảng không thời gian sinh-diệt đó.

Không mợ thì chợ vẫn đông nhưng không chợ thì mợ chết đói.

Đây chỉ chú trọng riêng cái an ninh của đám vi trùng chúng sinh mới thật sự thành người trong vòng 7 triệu năm trên trái đất nhỏ hơn hạt bụi trong vũ trụ bao la mới chỉ 14 tỷ năm trẻ.

Dalai Lama nói: *Tâm bồ đề có hai phần, vừa nguyện độ thoát chúng sinh, vừa nguyện giác ngộ thành Phật, vì thành Phật rồi mới thật sự có khả năng độ thoát người khác.*

Phải độ chúng sinh đang đắm chìm trong biển khổ đó trước dù ta đang chấp chững tập bơi, vừa nguyện là không bị chìm với chúng. Mà không chết đuối vì bị chúng nhận chìm thì mới đủ khả năng để cứu những người khác.

Hèn gì chúng sinh, chúng nó, chúng ta cứ thay nhau mà chết từng chùm vì bơi chưa rành, không định được phương hướng mà

đã đeo bông. Dùng từ bi, trí khôn, hữu dũng không đúng chỗ, đúng thời thì chỉ tô cực thân.

Ngài Nguyệt Xứng, một vị đại luận sư xứ Ấn, có viết trong bộ Lượng Thích Học (Phạn: Pramanavartika) như sau: *Nếu chính mình cũng không biết rõ. Thật khó lòng giải thích cho người.*

Ngài Tịch Thiên trong cuốn Nhập Bồ Đề Hạnh Luận có nói, *nếu trong quá khứ chúng ta biết xoay ngược thái độ, vất bỏ tình thân cầu lợi cho mình để mở lòng quan tâm đến tất cả, theo đuổi con đường tu học với thái độ vị tha, chắc chắn bây giờ chúng ta đã giác ngộ từ lâu.*

Ngài viết:

*Nếu một kiếp nào đó
Bạn đã từng như vậy
[Mở rộng tâm ái ngã
Chuyển thành tâm vị tha]
Thì bây giờ không thể
Đang ở chốn nào khác
Hơn là chốn an lạc
Của một đấng Phật đà.*

Cho nên những tâm tư mà chúng ta thảo luận ở đây trong ngôn ngữ, với 18 căn trần thức sai lạc của nhân sinh chỉ hữu lý giữa người với người chứ không nghĩa lý gì đối với những chúng sinh khác.

Chúng sinh kể cả nhân sinh đều bị chi phối bởi những quy luật tự nhiên như thị của vũ trụ.

Thật ra, vũ trụ (sắc, vô sắc) không có sinh diệt mà chỉ thay hình đổi dạng (transformed), không dư không thiếu như khoa học đã khám phá về “tái sinh” trong First law of thermodynamics.

Phật Giáo gọi là những nghiệp lực trong vũ trụ đi tái sinh chứ không phải linh hồn bất tử (duy ngã) luân hồi.

Nhưng nhân ta gieo kiếp trước và những nghiệp quả mà ta có ngày nay trong kiếp này quả thấy đúng như Phật dạy về luật nhân quả.

Tuy nhiên, cái Ta của kiếp trước không phải là cái Ta ngày nay, cùng bản ngã, cùng DNA, cùng sắc tướng, cùng căn cước.

Đây là điểm rất quan trọng khi giải thích về nhân quả, luân hồi, vô ngã, không tánh trong Phật Giáo vì nếu Ta là Ta thì chúng ta đã mâu thuẫn, chấp ngã, chấp có những linh hồn bất tử luân hồi trong một xác thân mới.

Nhưng nếu ta đã không là ta, vô ta, thì tại sao bây giờ ta phải chịu trách nhiệm, bị nghiệp báo bởi những nhân duyên, nghiệp quả trong quá khứ không phải của ta tạo ra?

Đây cũng là quan niệm nhầm lẫn của rất nhiều người kể cả những Phật Tử về tái sinh của Phật Giáo và luân hồi của Bà La Môn Giáo (Hinduism.)

Ngay cả nhiều người Ấn Độ cũng không phân biệt giữa những quan niệm này nên họ vẫn cho là Phật Giáo từ Ba La Môn ra.

Kinh điển ghi lại, Đức Phật giải thích vì những kiếp trước ta (chính Đức Phật) đã làm thế này, thế kia nên bây giờ ta (chính Ngài) phải bị thế này thế nọ. Hình như Đức Thế Tôn đã mâu thuẫn với những gì Ngài thuyết về ngã và vô ngã?

Nếu Đức Thế Tôn giải thích vì tiền kiếp Như Lai làm thế này thế kia cho nên bây giờ Như Lai thọ lãnh thế này, thế nọ thì Như Lai không mâu thuẫn với vô ngã.

Nhưng Như Lai lại lọt vào vòng mâu thuẫn của duyên nghiệp quá khứ, nghiệp báo hiện tại, nhân quả vị lai. Vậy thì Như Lai muốn ám chỉ duyên nghiệp, quả báo trên cái bản ngã nào, và ở trong mốc không-thời gian nào đây?

Đức Phật tùy duyên, tùy căn cơ của mỗi người mà thuyết cao thấp, và để bố thí pháp trừ những lúc Ngài giảng pháp cho quần chúng.

Điều này cho thấy ngay cả pháp cũng biến hóa bởi duyên khởi vì vậy Phật Giáo là tôn giáo duy nhất có thể thích hợp với mọi đổi thay trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Duy chỉ có Tâm kinh đặc biệt đã được Ngài gián tiếp ấn chứng.

Vậy thì cái vô sinh, vô diệt, kim cương bất hoại, cái chân tánh, cái trí tuệ viên diệu của bát nhã tâm kinh, Prajnaparamita, ultimate Bodhicitta, Tuệ Giác Toàn Hảo, tâm bồ đề tuyệt đối đó có thật sự là bản tánh nguyên thủy của thân tâm hữu ngã này không?

Dalai Lama giảng: *Cái tôi – bản ngã - chỉ có thể là một hiện tượng duyên sinh, là một hiện tượng tùy vào sự tập hợp của các thành phần tâm lý và vật lý mà thành.*

Phật giáo không chỉ phủ nhận khái niệm về cái tôi thường hằng tuyệt đối, mà còn phủ nhận luôn cả ý thức ngây thơ cho rằng cái tôi đóng vai chủ động, chỉ huy thân tâm.

Không có cái tôi đi đầu thai mà cái nghiệp lực lôi kéo cái tâm thức bởi duyên sinh.

Những nhân quả mà chúng sinh đang trải qua là quả trình của duyên khởi được hình thành từ sức đẩy của nghiệp lực. Phiền não đưa đến khổ đau, quần trí, tuyệt vọng cũng vì bị những nghiệp lực vô minh này thao túng rất khó thoát.

Tuy nhiên, không có tôi vay trả nghiệp của quá khứ, hiện tại, và vị lai.

Vậy thì đấng khốn nạn nào đang như như động động ở đây?

Hình như sự kiện (information) nào tôi bỏ vô cái máy Bát Nhã nó cũng ra không? Ngay cả không bỏ gì nó cũng không ra gì, cứ như như bất động.

Trong Kinh Thập Địa (Dasabhumi Sutra), Phật dạy như sau:

*Ba cõi không riêng có,
Chỉ do Tâm tạo thành.*

Duy thức tông giải thích rằng thế giới hiện tượng khách quan chỉ là ảo ảnh do tâm phóng hiện.

Ngài Nguyệt Xứng (Chandrakirti) trong cuốn Bồ Xung Trung Quán (Madhyamakavatara) đã giải thích câu kinh này như sau:

Đức Thế Tôn không thấy có “ngã” là đáng sáng tạo, như ngoại đạo (tirthikas) khẳng định, mà dạy rằng chính Tâm là tạo hóa.

Dalai Lama giảng: *Nghiệp là năng lực tác động mọi biến hóa của đời sống trong cõi Ta bà.*

Mặc dù có thân nghiệp và khẩu nghiệp, nghiệp chủ yếu vẫn thuộc lãnh vực của ý. Nghiệp bắt rễ từ phiền não và bị phiền não thúc đẩy. Còn phiền não thì lại bắt rễ từ vô-minh-căn-bản, vọng tưởng chấp có cái tôi tồn tại lâu dài. Thêm vào đó, thuận theo luật nhân quả, nhân và quả phải tương ứng với nhau.

Nhưng có chấp để biết được những cái điều khô khan, khó hiểu này có ích lợi chi cho tà kiến, và chữa được cái bệnh đau khổ cấp thời của chúng ta?

Dù cho, khoa học ngày nay đã chứng minh được ngũ uẩn giai không qua thuyết lượng tử nhưng có mấy ai độ nhất thiết khổ ách, vượt qua mọi gánh nặng khổ đau, như pháp sư Tam Tạng chêm thêm câu này vào trong Bát Nhã Tâm Kinh?

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Hòa Thượng Tuyên Hóa giải lược:

“Thị đạo ưng tu ngộ pháp không, là đạo nên tu ngộ pháp không.

Chư vị phải dùng mắt trí huệ để tu đạo. Người ngu si không thể tu đạo này. Có trí huệ thì mới tu được đạo này.

Xoay về cội gốc tức là uốn chữ nhất (gạch ngang), thành chữ o (vòng tròn). Chữ o này chính là tạng tánh Như Lai, là tạng đại quang minh, là Phật tánh của chúng ta. Nếu có thể khôi phục lại Phật tánh tức là hiện đời thành Phật, không cần đợi trải qua ba a tăng kỳ kiếp mà tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo. Không cần đợi thời gian lâu xa như thế, mà tức khắc liền thành Phật. Vì sao chư vị vẫn chưa thành Phật?

Vì chư vị chưa biết "đạo" này, chưa tu đạo này, và không có ai dạy cho mình đạo này. Do đó, cho đến hôm nay, chư vị vẫn sanh rồi chết, chết rồi sanh, trong sáu cõi luân hồi, bị lưu chuyển tới chuyển lui. Chư vị chạy mãi trong sáu đường luân hồi thì chữ o (vòng tròn) liền biến mất. Lưu chuyển tới, lưu chuyển lui trong sáu đường luân hồi, đột nhiên sanh lên trời, đột nhiên sanh xuống đất, đột nhiên vào địa ngục, đột nhiên làm thú vật, chột tại thiên đường, chột xuống địa ngục, chột vào A Tu La, chột làm người. Bị lưu chuyển như thế, không thể thoát ra khỏi vòng luân hồi. Nếu thoát khỏi vòng luân hồi thì phá được chữ nhất này, xoay về cội gốc, đạt đến tạng quang minh Như Lai, chính là quê hương nhà cửa, đất đai của mình. Ai ai cũng tu đạo được. Có tu đạo thì mới ngộ nhân không pháp không, nhân pháp đều không, không còn chấp trước, nên bảo rằng khổ tập diệt đạo đều không.

Tam chuyển tứ đế pháp luân vận, (ba lần chuyển xe pháp tứ đế).

Ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế, bên trên tôi đã giảng rõ rồi. Chuyển vận bánh luân tức là xoay qua chuyển lại pháp môn tứ đế.”

Hòa thượng Tuyên Hóa vì đã đạt được trí tuệ nên nói dễ dàng như trên.

“Chư vị phải dùng mắt trí huệ để tu đạo. Người ngu si không thể tu đạo này. Có trí huệ thì mới tu được đạo này.”

Tuy nhiên khi giảng tới, *"Vô trí diệt vô đắc, không trí cũng không đắc."*

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng cách phá luận chấp trí tuệ đó.

“Không trí cũng không đắc. Trí là trí huệ. Đắc là chứng đắc quả vị. Đạt đến cảnh giới đó, trí huệ cũng không cần, quả vị chứng đắc cũng không có, hy vọng điều gì cũng không có. Chúng ta học Phật pháp, đều muốn đạt được trí huệ; có trí huệ rồi thì chứng đắc được quả vị Phật. Nay trí bát nhã cũng không có, muốn đắc được Phật quả cũng không thể đắc. Đây là lạc vào không à? Không phải vậy. Chẳng đạt được trí huệ, chẳng chứng đắc được tức là trí huệ không chấp trước. Không có chấp trước rằng mình có chỗ chứng đắc.”

Tôi không tin, từ trước đến nay, có bất cứ nhân sinh trên đời này tự mình giải quyết hoàn toàn được cái vấn nạn khổ đau này. Trừ Đức Phật, và 7000 người đã giác ngộ, giải thoát nhờ nương vào phương tiện Phật pháp của Đức Thế Tôn từ 2600 năm nay trong 6 tỷ nhân loại vẫn còn trầm luân trong biển khổ bây giờ.

Chúng ta như những người mù tự mình thấp đuốc đi trong ban ngày ánh đuốc còn không thấy được nói gì thấy được ánh sáng trí tuệ?

Tuy tất cả chúng sinh đều sẵn có trí tuệ, đồng Phật tánh nhưng phải hiểu rằng tám thân ngũ uẩn này không phải là sở hữu chủ của Phật tánh, và trí tuệ.

Trí tuệ, và Phật tánh (kỳ tâm) không phân chia ra cho mỗi cá nhân mà chúng nó tương tự như là không khí, và ánh sáng nuôi dưỡng cả thế giới.

Ánh sáng, và không khí là sự sống trên thế gian.

Không có hai yếu tố này thì chúng ta không hiện hữu để nói chuyện Phật pháp.

Chúng sinh đồng hít thở không khí (Phật tánh), và ánh sáng (trí tuệ) để sống còn.

Hay đúng ra Phật tánh là trí tuệ của vũ trụ.

Đây là điểm tối quan trọng mà tôi chưa thấy ai nêu ra trong pháp luận.

Hiểu được điều này thì đã thông được vô ngã.

Mới thật sự hiểu được ta với Phật đều có Phật tánh.

Tất cả sắc tướng và vô sắc tướng trong vũ trụ đều “sống” trong Phật tánh của vũ trụ.

Tìm được chân sư để nương theo mà tu học, và đi cho đúng đường rất khó.

Trò đi tìm đúng thầy để học rất khó mà thầy đi tìm đúng trò có căn cơ, duyên phận để truyền lại còn khó hơn nữa.

Thường thì trò mù vịn vào thầy đui phó thác cho ma quỷ đưa đường.

Đa số, chúng ta tìm đến phật pháp vì mong cầu được “*cứu rỗi*,” giải thoát chứ không phải để mở mang trí tuệ, hay giác ngộ.

Cũng như đa số chúng ta đi học với mục đích chính là lấy mảnh bằng để kiếm việc chứ không phải chỉ để trau dồi kiến thức, không cần lấy cái bằng.

Đơn giản hơn là chúng ta chỉ ưa tập bơi, học thở ở trên cạn, trên lý thuyết văn giác tri, nhưng ngại nhảy “trở lại” xuống nước vì sợ khổ nhọc, chết chìm, tắc thở.

Mà tắc thở là cái chắc dù ở trên cạn hay dưới nước, đó chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Chúng ta vốn sợ nước dù sống nhờ nước nhưng vì vô minh nên sợ giác ngộ, không dám tìm tự do, giải thoát.

Dù nước là nơi chúng ta từ đó bò lên cạn theo thuyết tiến hóa của khoa học.

Chúng sinh ngại giải thoát khỏi tham sân si, giác ngộ thành phật còn hơn là vô minh với luyến ái, và rồi đau khổ trong truy lạc.

Đây là điểm “khắc” biệt giữa phàm phu và bồ tát. Khác biệt giữa bồ tát và phật.

Chúng sinh đến để thấy, rồi đi về lại, cần đao bửu ngạn vượt qua bể khổ chứ bồ tát thì tới đi như vậy, không bờ không bến, tùy tâm ý nhưng Như Lai thì không đến, không đi, vô sinh, vô diệt.

Bát nhã tâm kinh ngày xưa chỉ dành để giảng thuyết cho các bậc bồ tát đại thượng thừa, hay cho những thượng tri thức quý tộc chứ bất khả truyền cho phàm phu còn vô minh.

Cho nên, có lúc Đức Thế Tôn tịnh khẩu trước những thắc mắc, suy tư của chúng phàm phu vô minh.”

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: Ta sẽ độ chúng sanh. Này Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy. Vì có sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ đó. Nếu có chúng sanh Như Lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề, người phàm phu đó Như Lai nói tức không phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu.

Đây là điều mà Đức Thế Tôn lúc vừa giác ngộ đã nghĩ tới.

Chúng ta ngày nay nhờ vào công đức vô lượng của tổ tiên mà được trì kinh này dù căn cơ sai biệt nhưng công phu giác ngộ vô lường.

Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng?

Chữ Tuệ Mạng là chỉ cho hàng Thanh văn đã ngộ đạo, các Ngài thấy mạng sống của các Ngài là trí tuệ chứ không phải là tứ đại, các Ngài lấy trí tuệ làm mạng sống nên gọi là Tuệ Mạng. (Hòa thượng Thích Thanh Từ)

Chúng ta bây giờ đang nghe nói pháp này không hiểu mà tin chăng?

Phật bảo: Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.

Không có chúng sinh nghe pháp lẫn chúng sanh thuyết pháp. Tin hay không chẳng qua vì duyên hợp. Khi tin khi không! Bán tín lưỡng nghi? Ai nghe, ai thuyết,

Hòa thượng Thích Thanh Từ giảng: Qua lời Phật dạy, chúng ta thấy rõ người hay nói và pháp bị nói đều không thật, khi chúng ta không chấp là thật thì chúng ta phá được chấp ngã và chấp pháp. Ngã và pháp đều phá thì đó là vào hàng Sơ địa Bồ-tát. Thanh văn chỉ phá được chấp ngã chứ chưa phá được chấp pháp. Như hàng Thanh văn thì nói ngã là không nhưng Niết-bàn là có tức là còn kẹt vào pháp, nói bồ-đề là có tức là còn kẹt vào pháp. Chỉ phá được chấp ngã đã gọi là chứng Tứ quả Thanh văn, nếu phá luôn được chấp pháp thì đó là Đẳng địa Bồ-tát .

*Vậy nếu chúng ta chịu khó thực hành thì chắc được phải không?
Tôi thấy nếu mình cố gắng thì nhất định phải được, không được
là vì mình không cố gắng.*

Cố gắng chấp được thành phật?

*Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến,
tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả
kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả
kiến.*

*Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất
cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin
hiểu, không sanh pháp tướng.*

*Nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng,
ấy gọi là pháp tướng.*

Tất cả danh ngôn mà Đức Phật lập ra, phải thấy nó không có
thật thể, chỉ có giả danh thôi, thấy rõ như thế mới đúng trí tuệ
Bát nhã. Phải thấy thấu đáo cả hai bên xuất thế gian, và thế gian
có lập ra cũng đều là giả danh.

Nghĩa của kinh pháp này tuyệt đối vượt không thời gian, vô sinh
vô diệt nên không thể nghĩ bàn.

Có bàn cũng không mấy ai hiểu nổi ý phật?

Quả báo cũng không thể nghĩ bàn nhưng nó tương đối nên hữu
tận vì có sanh diệt dù nó ở trong luân hồi tưởng như vô tận.

Đây mới chính là điều tối cần thiết mà chúng ta quan tâm trên đời.

Nhưng vì tham vay nghiệp chướng hơn khả năng trả quả nợ nên lo sợ đâm ra đau khổ khi quả báo tới thay vì biết làm chủ được trả vay trong thung dung tự tại.

Giải thích này ai cũng biết rồi. Phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh, dưỡng bệnh luôn luôn sẵn sàng nhưng chỉ còn tùy vào nhân duyên cùng tự lực và tha lực đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà khả đắc thôi.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Hòa Thương Tuyên Hóa lược giải:

“Bộ tâm kinh này năng phá trừ được ba chướng là báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng. Làm sao phá trừ được ? Do có trí huệ chân chánh, trí huệ vi diệu, tâm như như bất động, và chân tâm nên phá trừ được ba chướng. Chúng ta hiểu rõ giáo nghĩa tâm kinh bát nhã ba la mật đa thì mới có trí huệ chân chánh, dẹp trừ được ba chướng.”

Thay vì trì bằng văn tự Bát Nhã, và nếu hành giả quán chiếu được trí tuệ bất sanh bất diệt, xét rõ thân cảnh là tướng duyên hợp hư giả là sống trong thật tướng của trí tuệ thì như kim cương bất hoại, tam chướng thịnh suy vô bổ úy.

Thì giác pháp này rồi mới tin, nên ngộ?

Như Lai cũng nói tất cả pháp thế gian đều là Phật pháp chứ không phải chỉ riêng pháp Phật.

Trong kinh nói: *Xúc mục là bồ đề*, thấy cái gì cũng là bồ đề cả, cái gì cũng là như. "*Chư pháp như nghĩa*," thấy cái nào cũng như hết ráo, cái gì cũng là như Phật, là như pháp.

Thấy ai cũng là Bồ tát thuận hạnh, hay nghịch hạnh, trên cõi thế gian này đâu đâu cũng toàn là Bồ tát chưa chịu thành phật.

Không có gì sở chứng thịnh suy trên thế gian để mà bố úy?

Nhất thiết pháp vô phi Phật pháp!

Hay đây hình như chỉ là như lạc quan, như méo mó phật pháp do tâm phân biệt chúng sanh ra?

Nên Phật mới giải thích rõ để tránh hiểu lầm: *Này Tu-bồ-đề, nói rằng tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp.*

Nghĩa là thấy tất cả pháp đều là tướng duyên hợp hư huyễn, thấy pháp nào cũng thế tức là đắc cái giác của trí tuệ Bát-nhã. Trái lại, nếu thấy được tất cả pháp mà chấp thật, thì tất cả các pháp đó không phải là Phật pháp. Cho nên, không phải là như thật, ấy là Phật pháp, nghĩa là thấy tất cả pháp đều là tướng duyên hợp không thật, nhưng trên hư danh thì tạm gọi tất cả là như pháp để giảng pháp như lai.

Nếu biết nhìn một cách phổ biến, và biết dùng đúng pháp thì tất cả pháp phương tiện trên thế gian đều hữu ích cho chúng sanh, mà hữu ích đích thị là cứu cánh, là chân lý, là Phật pháp cao thượng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả pháp lành tức được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề, nói rằng pháp lành đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.

Tịnh tâm là tâm bất nhị tức là không còn phân biệt nhị nguyên, chấp ngã, chấp pháp, lúc đó lại tu tất cả pháp lành nữa mới gọi là Phật.

Hòa thượng Thích Thanh Từ dạy: *Tịnh tâm hành thiện, tâm hoàn toàn không còn ngã pháp mà làm lành. Ở thế gian nói thiện nói ác chẳng qua là tướng duyên thôi. Như thế thì nói pháp lành chẳng qua là cái tướng của duyên khởi, không có thật cho nên nói không phải pháp lành, nhưng giả danh tạm gọi là pháp lành.*

Ai ưa thành phật?

Này Tu-bồ-đề, nếu trong tam thiên đại thiên thế giới có các ngọn núi Tu-di chúa, như thế dùng bảy báu nhóm họp bằng những ngọn núi Tu-di ấy có người mang ra bố thí. Hoặc có người đem kinh Bát-nhã ba-la-mật này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì đọc tụng, vì người khác nói thì phước đức của người này đối với người trước, người này trăm phần, người kia không bằng một, trăm ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng.

Tuy nhiên,

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như, mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Hòa thượng Thích Thanh Từ tâm sự: Có nhiều người đến hỏi chúng tôi, Quý thầy ở đây lâu năm tu hành như thế nào? Tôi đáp: Chỉ có bài kinh Bát-nhã mà đọc hoài không thuộc, cứ quên tới, quên lui! Ở đây Phật nói ngắn hơn, chỉ bốn câu kệ thôi mà vẫn không thuộc. Nghĩa là ở đây coi như thuộc, bước ra khỏi chùa là hết thuộc, vì vừa ra khỏi là tính mai làm gì, mốt làm gì v.v... tính một hồi là quên mất câu kinh... Thế nên tất cả chúng ta đều quên, quên mãi, mà quên đó là mê. Vì thế đức Phật chỉ thật là kỹ: Dù cho chúng ta đem bao nhiêu của báu bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Ứng dụng thọ trì bốn câu kinh Kim Cang là phước hơn làm ra bao nhiêu của báu để bố thí. Thật ra nếu chúng ta nhận được lý đó để sống, tự nhiên chúng ta chuyển cả cuộc đời mình, chuyển từ cái thân giả dối trở lại cái chân thật. Còn bố thí của cải dù nhiều bao nhiêu đi nữa, sau này sanh ra mình hưởng, nhưng cũng vẫn ở trong sanh diệt. Thế nên khéo trì kinh Kim Cang là đã chuyển mê thành ngộ, bỏ thân luân hồi sanh diệt trở về cái vô sanh, như thế phước đức không gì sánh bằng. (Kinh Kim Cang Giảng Giải)

Thực tế thì chân thật như thế này, những hoạt động tự nhiên hàng ngày như “ăn, ngủ, ấy, ị,” và thở thì không cần phải khó nhọc tập học hành mới biết, và không bao giờ có thể dễ mà quên được.

Ngược lại, bài kinh Bát Nhã với ngôn ngữ lạ, khẩu âm khó đọc, ý nghĩa khó hiểu bởi thế tụng niệm không được tự nhiên thì làm sao nhân sinh có thể nhớ hoài mà không quên được?

Cho nên, không dễ nhớ những hoạt động không tự nhiên là điều đương nhiên.

Chúng sinh điều tự nhiên có Phật tính nhưng đó chưa hẳn là điều tự nhiên nếu như đa số chúng sinh không tự nhiên thành Phật một cách tự nhiên. Tại vì, không phải tự nhiên mà chúng sinh quên mình có Phật tính một cách tự nhiên.

Hay đơn giản dễ phân vân hiểu lầm hơn,

Phật từ chúng sinh mà có. Chúng sinh từ Phật mà ra.

Nhưng Phật không muốn làm chúng sinh. Chúng sinh không muốn làm Phật.

Cho nên Phật là Phật. Chúng sinh là chúng sinh.

Tuy cả hai cùng một Phật tính nhưng Phật có bản lai, và chúng sinh có bản ngã.

Hình như, bản lai, và bản ngã tuy bốn tính như hai nhưng có thể diện mục bất nhị như lai?

Đây là điều bất khả tư nghị. Không thể giải thích được bằng ngôn ngữ mà chỉ bằng trí tuệ nhãn, vô ngôn qua tâm giác ngộ.

Vì vậy tu hành là lội ngược dòng không tự nhiên, nên rất khó khăn. Sống tự nhiên theo dòng đời là thuận dòng mà trôi nổi một cách tự nhiên, cũng không dễ dàng.

Chẳng thủ nơi dòng chảy mà sanh động tâm, cứ như như bất động tự nhiên, bình tĩnh tâm mà tự nhiên run run bất động.

Đức Phật dạy: *Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động*, thì thọ trì cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, đọc tụng cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, vì người diễn nói cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, đó là công đức hơn người bố thí bảy báu trải qua số kiếp vô lượng vô biên. (Hòa thượng Thích Thanh Từ suy diễn)

Chẳng chấp sắc tướng mà sanh tâm!

Muốn hiểu ý này thì phải suy bụng phật ra bụng ta, nhưng bụng ta không phải như bụng phật, cho nên bụng phật là bụng ta.

Kinh điển không phải để trì mà nhớ nhưng để tụng mà quên. Càng đọc càng quên, và càng hiểu khác nhau tùy theo duyên khởi, và tâm trạng lúc đó “như có hay như không,” một cách rất tự nhiên.

Cho nên càng tụng càng không nhớ, càng không nhớ càng tụng cho đến khi không tụng mà không nhớ là không tụng cái gì thì đã tự nhiên thành công ... Không.

Tóm lại,

“Kiến thức là những gì còn lại sau khi tự nhiên quên,” mà trí tuệ là những gì không còn lại sau khi tự dừng không nhớ.

Nói theo tục đế là khi sống trong như thật thì phải tưởng là như mộng. Khi đang sống trong như mộng thì nghĩ là như thật.

Khi thất vọng đau khổ thì tưởng đó chỉ là cơn ác mộng. Khi hạnh phúc sung sướng thì cho đó là thật ... vô thường.

Đó là sống trong tự nhiên.

Có nghĩa là khi đọc tâm kinh mà hay quên vì tuy não tỉnh nhưng tâm không tĩnh cho nên chỉ nhớ cái quên thay vì quên cái nhớ. Ngược lại, khi chìm trong giấc ngủ thật say không niệm kinh mà ý nghĩa kinh trở thành chân khí cuộn cuộn liên miên bất tận trong thân tâm thì đó mới thật sự là trì được kinh, ngộ được ngôn ngữ của tim, lòng, gan, ruột, phèo, phổi qua hơi thở mà không biết mình đang tự nhiên thở.

Một phần ba của cuộc đời của chúng ta là ngủ, và nghỉ. Hai phần ba là tỉnh, và động. Điều này không có nghĩa là phần nào có thật hay phần nào không có thật vì không có những chuyện “ăn ngủ leo ị” này thì liệu chúng ta tự nhiên hiện sinh được bao lâu?

Chúng ta tưởng là mơ vì chúng ta không kiểm soát, quản trị được mộng vô thường trong cơn mơ. Vậy thì lúc tỉnh liệu chúng ta có thể nắm giữ những hành động lúc tỉnh đó, như thật nhưng thật sự vô thường, đó được bao lâu?

Đâu mới thật sự là bờ mê bến tỉnh?

Muốn giác tâm bát nhã thì phải đáo bỉ ngạn tới bờ bên kia mới hiểu nổi bờ bên đó.

Mà khi tự nhiên tới bờ bên nớ rồi thì nó cũng hiển nhiên không khác chi bờ bên nì.

鑪山

鑪山煙鎖浙江潮，
未到平生恨不消。
到得本來無別事，
鑪山煙鎖浙江潮。

Lô sơn

*Lô sơn yên toả Chiết giang triều,
Vị đáo bình sinh hận bất tiêu.
Đáo đắc bản lai vô biệt sự,
Lô sơn yên toả Chiết giang triều.*

Bản dịch phổ thông nhưng không biết tác giả:

*Khói ngút non Lô sóng Chiết giang
Khi chưa đến đó luôn mơ màng
Đến rồi hóa vẫn không gì khác
Khói ngút non Lô sóng Chiết giang.*

Nhà sư/thi hào Tuệ Sỹ cho bài dịch dưới này là chuẩn ý nhất.

*Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang.
Khi chưa đến đó hận muôn vàn.
Đến rồi về lại không gì lạ.
Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang.*

Bài thơ này theo một số tài liệu Phật giáo Việt Nam cho rằng của Tô Đông Pha, tuy nhiên hiện vẫn chưa tìm thấy trong các tư liệu của Trung Quốc cũng như trong các tập thơ của Tô Đông Pha.

Trong Vài suy nghĩ về một bài thơ của Tô Đông Pha, Phạm Hữu Phước kết luận: *Lô Sơn, chân diện mục, ai ai cũng có. Nhưng nói một cách chắc nịch: “Đến rồi về lại không gì lạ” như Tô Đông Pha thì không phải ai cũng làm được. Con đường đi tìm lại “ta là gì” là cả một tiến trình đòi hỏi nhiều công phu của hành giả.*

Hay là nó quả như thế nì?

*Vân tỏa triều phao hữu như thị.
Yên Lô triều Chiết hiện như thức,
Lưu thủy tán vân huyền như mộng.
Sơn Lô giang Chiết ảo như thị,*

(Lê Huy Trứ)

Tuy văn-tri-giác bảo rằng bọt sóng, bóng ảnh huyền mộng như thế nhưng nếu có thân hình (sắc vật) thì có bóng (ảo ảnh). “*Như hình với bóng*” dưới ánh sáng. Thấy vậy nhưng thật ra tất cả

chúng sinh hiện hữu đó với những chương ngại duyên sinh điều vô thường, như thị hồ.

Như như huyễn mộng chứ không phải hoàn toàn bóng ảnh.

Cho nên chúng ta không thể suy bụng ta ra bụng Phật được.

Muốn thành Phật thì phải “*văn tri giác*” như Phật.

Suy bụng Phật ra bụng ta.

Cho nên, nếu hỏi Phật ở bờ kia, làm sao có qua bờ bên kia thì Phật sẽ bảo người đang ở bờ bên kia. Phật không có cái tánh thấy phân biệt, chúng sinh và Phật vốn cùng Phật tánh. Phật tính trong sạch, tỏa sáng như viên ngọc Ma Ni, tự viên diệu, chưa hề sinh ra, và cũng chưa hề bị diệt.

Nhưng nếu Phật ở bờ bên kia hỏi ta, sao người không đáo bỉ ngạn qua bờ bên này thì ta sẽ trả lời là ta đang ở bờ bên này vì ta với Phật tuy đồng Phật tánh bất nhị nhưng căn trí không bất nhị.

Cho nên bờ bên ni không phải như bờ bên ni mà là bờ bên ni.

Bờ bên nớ không phải là bờ bên tê mà nó là bờ bên nớ.

Nhiều tay tổ đã giải mã ý bài thơ Lô Sơn này rồi. Tôi chỉ đặt lại vị trí của ý thơ qua lăng kính hiện tại cho giới trẻ, hậu sinh bất khả úy dễ thưởng thức.

Bị hãm bởi mây sơn Lô như đắm trong sóng sông Chiết. Khi chưa giải thoát mong bỉ ngạn. Tới bờ rồi thì cũng như lên đỉnh

núi. Chìm trong đáy sông Chiết giang không khác gì bị vây khốn bởi khói núi Lô.

Diễn nghĩa theo khía cạnh khác, như người mù ở trong bóng tối muốn thấy ánh sáng nhưng khi lần ra nơi sáng thì nó không khác gì tối. Đó là cái thấy “vẫn như vậy” của kẻ đui mù, còn vô minh.

Bật giác ngộ, giải thoát như viên ngọc Mani tự nó soi sáng bóng tối, và làm lu mờ ánh sáng bình thường. Sáng tối không phân biệt qua tạng quang minh của trí tuệ. Vô minh không bao phủ được tâm giải thoát, lòng thung dung tự tại.

Khi chưa giải thoát thì u mê không lối ra. Chưa đạt được thì mong đắc. Giải thoát, đạt được giác ngộ rồi chẳng khác như không. Vẫn trôi nổi trong hư không, không biên giới.

Tôi hiểu như vậy:

Hãm mây Lô như chìm sóng Chiết,
Bình sinh không đắc như lai hận.
Bản lai giác ngộ cũng như không,
Quá vãn Lô như lướt Chiết triều.

(Lê Huy Trứ)

Tuy nhiên, cái gì bị, *Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều?*

Chớ ngại vì bị mây che khuất trí cao, sóng phiền muộn ở đâu nhận chìm tuệ tâm?

Cái bát nhã là cái chi chi mà Phật tử thường bàn tụng, giảng giải nghe rất cao siêu nhưng không mấy ai tu luyện thành công?

Lúc mới tu đạo, nghiệp đồ dồi như bị mây mù che lối, thủy triều lôi cuốn tức là còn chìm đắm, vấp hãm trong vô minh nên vẫn còn khổ đau.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng giải:

"Ký ngữ lai hiền cầu chư kỷ, nhắc kỷ hiền sĩ cầu tri kỷ."

"Tôi có một lời muốn nhắc nhở những vị hiền nhân, những vị tu hành trong tương lai là nếu chư vị muốn tâm không quái ngại, đạt đến nơi không chứng đắc, thì phải tự cầu tri kỷ, không nên hướng ngoại tìm cầu, hướng ngoại truy cầu. Đạo lý không tu không chứng, không chỗ chứng đắc tức là lý tìm cầu chư kỷ, nghĩa là phải hồi quang phản chiếu, xoay lại tìm cầu chính mình."

Đầu thượng an đầu tối ngu si, đầu đạt trên đầu thật ngu si.

Nếu chư vị hướng ngoại truy cầu đạo lý thì thật là ngu si, cũng giống như lấy đầu đặt lên đầu. Có ngu si lắm không? Thật rất ngu si. Đừng lấy đầu mà để lên đầu, phải nên hồi quang phản chiếu, xoay thân chuyển đầu trở lại. Nếu không chuyển được thân thì không thể đạt đến đâu cả."

Vô quái ngại cố. Vô hữu khủng bố. Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn, tâm không quái ngại, không có khủng bố, xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh niết bàn."

Bát nhã ba la mật đa là một trong những pháp môn tu hành của Phật Giáo với cùng một mục đích để an lặng vọng tâm. Khi vọng tưởng không còn khởi lên thì tự nhiên, chân tâm sáng suốt thanh tịnh hiện ra, hiển thị tâm.

Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm!

Khi mọi cơn sóng lớn trên Chiết giang (ví như vọng tâm, tâm phan duyên) lặng hết thì cái bản lai của sông Chiết bao la thanh tịnh hiện ra trước mắt trí tuệ (gọi là chân tâm hiển lộ, nhi sinh kỳ tâm). Khi mọi mây mù tan hết trên đỉnh cao thì Lô sơn hiện ra với đầy đủ diện mục của “*suối nước khe xanh, thanh tịnh tâm.*”

Yên tỏa, và thủy triều là hai bản mặt của một diện mục vô minh.

Đồng khác biệt diện mục nhưng cùng duy bản lai.

Tương tự như sông với núi.

Núi cao cuộn mây hay mây che núi. Lô sơn yên tỏa hay yên tỏa Lô sơn?

Chiết giang triều hay triều Chiết giang.

Tương tự như công án Phương động hay gió động, và câu chuyện thiền Chấn người ai sưởi ấm ai?

Cảnh và người ai vui ai buồn. Ai ưng trụ, ai ưng sở?

Tâm phàm phu bất nhất, như như động động. Tâm trí tuệ bất nhị, như như bất động.

Cái thấy lúc ta còn phàm phu, còn vô minh với cái giác lúc ta khai mở trí tuệ bát nhã tuy hai mà một?

Theo tôi thì trong cái động có cái bất động. Trong cái bất động có cái động. Trong cái không có cái có trong cái có có cái không.

Đó là luật tự nhiên của vũ trụ mà khoa học lượng tử đã mới tái khám phá cũng như Đức Thế Tôn đã tái khám phá luật như thị 2600 năm về trước. Cũng như trí thức của khoa học nhân văn, Đức Thế Tôn thành Phật qua tám thân ngũ uẩn, từ phàm phu đạt thành toàn giác.

Thật ra, cho đến nay, các nhà nghiên cứu Phật Giáo vẫn chưa đồng nhất về ngày đản sinh của đức Phật lịch sử, ngài Tất đạt Cô đàm Thích Ca Mâu Ni. Đa số các nhà học giả Tây Phương cho rằng Đức Phật sinh ra khoảng 2500 năm trước. Còn có thuyết cho rằng Đức Phật sống vào khoảng 2900 năm về trước. Một vài vị học giả Tây Tạng, như ngài Sakya Pandita, lại cho rằng Đức Phật sinh ra từ 3000 năm về trước.

Đức Dalai Lama nói: *Là Phật tử nhưng lại không thể biết ngày đản sinh của Đức Phật Thích Ca, đáng bốn sư giáo chủ Phật giáo, tôi thấy như vậy thật quá lúng túng. Tôi thật sự cảm thấy chúng ta cần phải nghĩ đến chuyện phân chất Xá lợi Phật, với trọn tấm lòng tôn kính đương nhiên phải có. Xá lợi chân chính của đức Phật đến nay vẫn còn. Phải như vậy mới có hy vọng soi sáng được vấn đề này.*

Theo tôi phỏng đoán thì Đức Phật hiện hữu 2750 năm về trước.

Bây giờ chỉ cần DNA xá lợi phật thì biết ngay. Kiếp sống của chúng sinh thì vô lượng nhưng kiếp nhân sinh cho đến hiện tại thì có thể phỏng đoán là chưa tới 70000 kiếp, nếu tính đơn giản một kiếp người là 100 năm. 9 triệu năm nhân loại thành người hiện hữu trên trái đất như một sát na trong vũ trụ.

Nếu đây là sự thật thì chúng ta thật sự có chuyện gì hơn để nói đây?

Hình như thành Phật dễ hơn không thành phật cho nên đa số chúng ta không vội vàng để trở lại giác ngộ?

Khi hành thâm bát nhã ba la mật đa, lưu xuất pháp thậm thâm tức làm tiêu chướng ngại, phiền não dừng. "*Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đăng.*" Tới bờ Niết Bàn, từ từ chuyển vận lên đường nhậm chức. Một khi đã hết vô minh thì nhi sinh trí huệ rồi thì tự nhiên thân tâm sẽ biết cách để giải thoát khỏi mây mù bao bọc, đáo bỉ ngạn, đạt đến bờ Niết Bàn.

Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải dạy: "*Tâm cảnh không dính nhau là giải thoát.*"

Tâm bình thế gian bình!

Nếu vậy thì,

Tâm, và thế gian không dính mắc lẫn nhau là giải thoát?

Tâm, và thế gian như như bình bình là giác ngộ?

Tâm, và thế gian như như bất bình là thực tế, kiến văn giác tri?

Kiến Văn Giác Tri chính là nghiệp thức của luân hồi sinh tử. Khi Mắt được tác dụng thì trong đầu óc của chúng ta có khái niệm thấy (Kiến), khi Lỗ Tai được tác dụng thì trong đầu óc của chúng ta sẽ có khái niệm nghe (Văn), khi Mũi, Miệng và Thân được tác dụng thì trong đầu óc của chúng ta sẽ có khái niệm cảm giác (Giác), khi ý được tác dụng thì trong đầu óc chúng ta sẽ có khái niệm hiểu biết (Tri).

Tri tức là kinh nghiệm, sự hiểu biết từ học hỏi trong sự sống hàng ngày, và từ tập tục trong quá khứ qua trí óc thông minh, kiến trí thức, của chúng sinh.

Thật ra kiến, văn, giác, tri vốn hay khởi vọng niệm. Như nguồn (dòng) tâm thức liên miên bất tận chẳng thể dứt sạch cạn được. Phật Tánh (buddha nature, Phạn: Tathagatha-garbha, Như Lai Tạng) không sanh khởi vô minh, sanh khởi vọng tâm. Cho nên người nhận làm kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh vốn là sai lầm, tu hành cũng vô ích.

Bản tâm, Pháp thân là Phật tánh vốn thanh tịnh.

"Bất cấu bất tịnh ly ô nhiễm, không dơ không sạch xa ô nhiễm."

菩提本無樹。

明鏡亦非臺

本來無一物。

何處有(匿)塵埃

*

*Bồ-đề bốn vô thụ,
Minh kính diệp phi đài
Bốn lai vô nhất vật,
Hà xứ hữu (nặc) trần ai?*

*

*Bồ-đề vốn chẳng phải cây,
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay vốn không phải vật,
Nơi nào dính bụi trần?*

(Huệ Năng)

Linh tánh (trí thức) cũng chẳng phải Phật tánh (trí tuệ), như nước sông Chiết kia vì bị gió khơi động mà sanh làn sóng, sóng là dụ cho linh tánh của kiến, văn, giác, tri, nếu lầm nhận cho là nước (Phật tánh.) Tuy sông núi không hẳn liên quan nhưng như Lô sơn bị mây “vây khốn.” Dù có thể đó là do luật tuần hoàn, đại khái, là nước (Chiết giang?) bốc hơi thành mây “yên tỏa Lô sơn” bởi điều kiện của thời tiết theo khoa học, hay bởi duyên khởi theo giải thích của Phật Giáo. Tương tự như trên, Lô sơn là diện mục, và mây là bản ngã. Nếu nhầm lẫn, không được chân sư trực tiếp chỉ đạo thì có tu cũng không thành công.

Đây là những chướng ngại không lối thoát mà 6 năm đầu Tất Đạt Đa đã đi qua. Nhưng sau đó Ngài giác đại ngộ vì đã tìm ra ông thầy (phật tánh, chánh pháp) trong chính mình.

Trong kinh người bắt rắn, Bụt dạy, “*Nếu quả sáu đối tượng (sắc, thọ, tưởng, hành, thức và thế giới) ấy mà không thấy có cái ta và*

cái của ta, vị khát sĩ không bị vướng vào những ràng buộc của cuộc đời. Vì không bị vướng vào cho nên không hoảng sợ, không hoảng sợ cho nên đạt được niết bàn. Vị ấy biết luân hồi khổ đau đã chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã hoàn tất điều cần làm đã làm, không còn bị sanh tử nữa, và nhận thức được chân lý thực tại. Một vị khát sĩ như thế đã lập được thông hào, vượt được thông hào, phá được thành quách, mở tung được lễ khóa, soi được vào gương thánh trí.”

Sau khi vừa giác ngộ, Ngài đã dùng thần thông tìm kiếm một vị thầy để noi theo nhưng không thấy có ai (khác với không thể tìm thấy) ngoài chính mình là vị thầy chân chính.

Một lần nữa, Ngài đã tự ấn chứng cho sự thành đạt của mình trong lúc đó.

Ngài đã dạy rất nhiều về diệu pháp trong suốt 45 năm còn lại trong đời Ngài.

Thiền sư và Giáo sư Triết học người Pháp, Gérard Pilet viết về lời trôi trắng của Đức Thế Tôn:

Này các môn đệ của ta, giây phút cuối cùng của ta đã đến, tuy vậy các con phải hiểu rằng cái chết chỉ là sự tan rã của xác thân vật chất mà thôi. Thân xác được cha mẹ sinh ra, nó lớn lên nhờ thức ăn, nó không có cách gì tránh khỏi bệnh tật và cái chết. Một vị Phật đích thực không mang thân xác con người, mà vốn vẹn chỉ là sự Giác Ngộ. Chỉ có sự Giác Ngộ mà thôi. Thân xác con người phải tiêu tan, nhưng Trí Tuệ của Giác Ngộ sẽ trường tồn vô tận trong thực thể của Đạo Pháp, trên con đường tu tập Đạo Pháp.

Nếu có ai chỉ thấy thân xác ta thì kẻ ấy không thấy ta (Như Lai) một cách thật sự. Chỉ có người nào chấp nhận những lời giáo huấn của ta mới thật sự nhìn thấy ta (Như Lai).

Sau khi ta tịch diệt, Đạo Pháp thay ta làm vị thầy cho các con. Biết noi theo Đạo Pháp, ấy chính là cách các con tỏ lòng trung thành với ta. Trong bốn mươi lăm năm sau cùng trong cuộc đời của ta, ta không hề giấu giếm điều gì trong những lời giáo huấn. Chẳng có một lời giáo huấn nào bí mật, không có một lời nào mang ẩn ý. Tất cả những lời giảng của ta đều được đưa ra một cách ngay thật và minh bạch.

Này các con yêu quý của ta, đây là giây phút chót. Trong một khoảnh khắc nữa ta sẽ nhập vào Niết Bàn.

Những lời này là những lời dặn dò cuối cùng của ta cho các con".

Người chép lại những lời này của Phật xin chấp tay mong rằng:

- Vì Phật, chúng ta hãy đọc lại những lời nhắn nhủ trên đây thêm một lần.*
- Vì tất cả chúng sinh, vì sự đau khổ của muôn loài, chúng ta lại đọc thêm một lần nữa.*
- Để gửi đến từng đơn vị nhỏ nhoi nhất của sự sống, chúng ta lại đọc thêm một lần nữa, đọc thêm một lần nữa...*

Chúng ta nguyện sẽ đọc lên và đọc lên cho từng chúng sinh một, ta đọc cho đến khi nào những lời dạy dò trên đây của Phật trở thành những lời dạy dò xuất phát từ chính tâm thức ta, để nhấn nhủ cho chính ta, nhấn nhủ những người chung quanh ta, kể cả những sinh linh nhỏ nhoi nhất của sự sống. Khi những lời nhấn nhủ chân thật và tràn đầy Từ Bi trên đây của Phật trở thành làn hơi thở của của chính ta, thì biết đâu lúc ấy ta cũng sẽ là một vị Phật.

(Biên soạn dựa theo một bài viết của Thiền sư và Giáo sư Triết học người Pháp Gérard Pilet, đăng trong nội san của Hội Thiền học Quốc tế AZI [Association Zen Internationale], trụ sở tại Paris, và tài liệu của Bukkyo Dendo Kyokai [Society For the Promotion of Buddhism], trụ sở tại Tokyo, Hoang Phong dịch nghĩa).

Khởi vọng niệm là nhất niệm vô minh, theo lời đức Phật Thích Ca giảng trong kinh Thủ Lăng Nghiêm thì PHAN DUYÊN là chỉ tâm hư vọng, vọng tâm. Chữ Phan Duyên có nghĩa là dính mắc các duyên. Tâm Phan Duyên là tâm bị các duyên sự ràng buộc kéo níu.

Hễ tâm phan duyên, bị lay động liền phân tâm thành phân biệt nhị nguyên: tức là chánh niệm, và bất chánh niệm. Bất chánh niệm, và chánh niệm cũng đều là vọng niệm, đều là do tác dụng của kiến, văn, giác, tri, chẳng liên quan với Phật Tánh.

Nếu vọng niệm từ bên ngoài đến thì chẳng dính dáng với mình, đâu cần đoạn diệt nó! Nếu vọng niệm từ bên trong ra thì cũng như nguồn thủy triều mạnh, trôi nổi khó cưỡng. Dòng tâm thức này diệt rồi lại sanh, sanh rồi lại dứt, liên miên bất khả tận không thể nào diệt hết.

Vậy tu hành để dứt bỏ những vọng niệm chúng sinh, lý này chỉ để đại ngôn chứ thật tế chẳng dễ thông.

Chuỗi tâm thức cũng như bài pháp luận này lang mang từ ý tưởng này qua ý tưởng khác cứ tưởng như không có chủ đích, không bao giờ dứt khoát. Trên thực tế thì dòng tâm thức một chiều này không bao giờ gián đoạn. Nó vô thủy vô chung, bất diệt, không dễ dàng an trú được.

Đây là vấn nạn mà không có ai dám tự thú nhận trong lúc khổ công tu hành.

Thật ra kiến, văn, giác, tri có hai mặt, bất tịnh duyên và tịnh duyên đều là vọng niệm của nhất niệm vô minh, cả hai đều là vọng. Cố đem bất tịnh duyên và tịnh duyên để dứt sạch, kiến, văn, giác, tri ấy là ngu muội.

Vô minh không thể che mờ, cuốn trôi được phật tánh cho nên không cần phải vén vô minh để tìm phật tánh vì mình không đi tìm bóng, bóng không đi tìm mình mà nó tự nhiên như hình với bóng.

Hình ảnh, sắc ảo, tướng, và vô tướng như như đồng hiện hữu tuy nhiên hình như chúng sinh ra đồng tánh nhưng không hẳn là đồng thể.

Mình với bóng tuy hai mà một. Cái này có thì cái kia có. Cái này không sinh thì cái kia không có sinh để diệt.

Theo Thiền Sư Nguyệt Khuê Khai Thị Về Kiến Văn Giác Tri như sau:

Phật tánh bị vô thi vô minh che khuất, muốn thấy Phật tánh ắt phải đập tan vô thi vô minh mới thấy được.

Bản thể Phật tánh mới là thật chẳng chấp trước, theo kiến, văn, giác, tri thì phải có chấp trước.

Lục căn có hai cái dụng là kiến, văn, giác, tri, lục căn không nên đoạn dứt, nếu mình tâm kiến tánh thì lục căn biến thành Ứng thân.

Nay ta chớ nên đoạn dứt lục căn, phải đem cái niệm đoạn dứt lục căn ấy dùng để tham cứu Bản lai diện mục, Phật tánh vốn không có lục căn, nên chẳng cần dứt (vô lục căn) của nó, dụng công như thế mới hợp với cách tu của Thiền tông.

Vọng niệm khởi là từ kiến, văn, giác, tri, mình muốn giác ngộ cũng phải dùng kiến, văn, giác, tri, cho nên mê với ngộ chẳng ngoài tác dụng kiến, văn, giác, tri; nơi phạm vi của kiến, văn, giác, tri chẳng liên quan với Phật tánh.

“Tri kiến lập tri tức là căn bản của vô minh” là nói người chưa kiến tánh tất cả đều do kiến, văn, giác, tri làm chủ, tất cả tri kiến lập ra đều là căn bản vô minh. “Tri kiến vô kiến ấy tức Niết bàn” là nói người đã kiến tánh rồi thì Phật tánh làm chủ, tất cả tri kiến đều biến thành Phật tánh, giống như hai câu Kinh “Kiến vô sở kiến tức chơn kiến, tri vô sở tri tức chơn tri” vậy.

“Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt” là nói người chưa kiến tánh, tất cả đều do kiến, văn, giác, tri làm chủ, Phật tánh bị vô minh che khuất, nên mới có sanh tử luân hồi. “Sanh diệt diệt rồi” là nói hàm sâu vô minh đã phá tan thì thấy Phật tánh. “Tịch diệt làm vui” là nói sau khi thấy Phật tánh, tất cả đều biến thành Phật tánh, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng động chẳng tịnh.

Khởi niệm là do kiến, văn, giác, tri khởi, hồi quang phản chiếu cũng là tác dụng của kiến, văn, giác, tri, mình dùng ý căn quán xét giác và mê, đều ở trong phạm vi kiến, văn, giác, tri. Phật tánh là như như bất động, giác và mê trọn chẳng dính dáng.

Tôi xin diễn đạt những điều dạy trên của Thiền Sư Nguyệt Khuê:

Phật, và Bồ Tát tuyệt đối giác ngộ, đạt chánh đẳng chánh giác, cũng từ nhờ có bản thân, và bản ngã với văn giác tri mà được toàn giác. Không có những cái phương tiện 18 căn trần thức “chúng sinh” ra đó thì không có chứng đắc, giác ngộ, giải thoát.

Chúng ta, và Phật có cùng Phật tánh. Tuy nhiên, Phật chưa bao giờ mê nên chưa từng biết giác. Chúng ta vì đang mê nên cần tỉnh ngộ.

Muốn mê thì phải từ bờ ngộ tới bến mê. Kinh nghiệm chán, mê là cái chi chi, sao chúng sinh vẫn cứ chi chi vì mê rồi thì đảo bẻ ngạn. Nếu muốn tìm chỗ khắc kiếm mạn thuyền trước khi quá giang thì phải cần tới Phật pháp.

Vì có mê nên có ngộ để biết có mê. Không mê thì có ngộ không?

Âu đây cũng là lý do sau khi thành Phật, và sau hơn 40 năm giảng đạo. Đức Phật nói: Như Lai không chứng đắc.

Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giải:

Lại không có chỗ chứng đắc. Không chỗ chứng đắc là tông chỉ của bộ kinh này. Tông chỉ của tâm kinh bát nhã ba la mật đa là gì? Tức là phá trừ chấp trước, khiến tâm chư vị không chấp trước vào chỗ chứng đắc. Tuy chứng mà không chứng, không chứng mà chứng. Sao gọi chứng mà không chứng? Chư vị chứng đắc quả vị thánh mà không chấp trước mình chứng quả, vì thế mới có thể chứng đắc cứu cánh niết bàn chân chánh. Thế nên không chỗ chứng đắc là tông chỉ của kinh này.

Làm sao tìm được tâm động để an tâm, và làm sao kiểm được tâm an mà động tâm?

Cái Niết Bàn không bờ không bến, không lên không xuống, không qua không lại. Như như bất động là bản tính cố hữu của tâm ta. Niết Bàn không đâu khác lạ mà chính là bản lai diện mục của bản tâm bất biến.

Không là không! Không khác, không hai mặt nhị nguyên mà luôn luôn bản lai như như bất nhị, và diện mục như như lai.

Theo kinh nghiệm tu hành của Thiền Sư Wei Hsin:

"30 năm trước, khi chưa học Thiền, tôi thấy, "*Núi là núi, sông là sông.*"

Sau đó khi tiếp nhận sự dạy dỗ của một thiền sư nổi tiếng, tôi lại hiểu rằng: "*Núi không phải là núi, sông không phải là sông.*"

Nhưng sau 30 năm tu hành, đến nay tôi đến chỗ cuối cùng là nhận chân ra được "*Núi quả thật là núi, sông quả thật là sông.*"

Nếu Đại Thiền Sư Wei Hsin tu thêm 30 năm nữa mà vẫn còn sống thì ông ta sẽ kiến được bát nhã rất ráo như sau:

Giác được sắc tướng như sắc tướng. Pháp thân như pháp thân.

Núi như lai núi. Sông như lai sông.

Núi *quả thật* không phải núi. Sông *quả thật* không phải sông.

Những lý luận trên trông như là như như động động, lên xuống, qua lại, chìm nổi, ... Tuy nhiên, bản lai của những động từ này vẫn như như bất động.

Như đức Như Lai "*bất lai bất khứ,*" không đến không đi. Tức là không từ đâu đến, và không đi về đâu.

Ngay cả đứng đây cũng không.

Ngộ được, thấy vậy, nói vậy, nghe vậy nhưng hình như không chân thật như vậy?

"Đốn giác ngã pháp bốn viên dung, (liền giác ngã pháp vốn viên dung)."

Hòa thượng Tuyên Hóa bảo đảm: *Chư vị nếu hiểu rõ đạo lý này thì tức khắc biết được mình và pháp vốn là một, không có phân biệt, không hai không khác, gốc vốn là viên dung không ngại.*

(Hoà thượng Tuyên Hóa, Hsuan Hua, tiếng Hán: 宣化上人, pháp danh là An Từ, tự Độ Luân; Born: April 16, 1918, Jilin, China – Died: June 7, 1995, Los Angeles, CA) là một tu sĩ Phật giáo gốc Trung Quốc, người kế thừa đời thứ 9 của Quy Ngưỡng tông.)

Trong Kinh Kim Cang Giảng Giải, Hòa thượng Thích Thanh Từ kết luận: *“Tóm lại người ứng dụng thọ trì bốn câu kinh Kim Cang là chẳng chấp tướng, như như bất động, hay vì người diễn nói cũng đều là chẳng chấp tướng, như như bất động. Đó là chỗ then chốt. Như như bất động là gì? Tức là Như Lai. Thế nên nói chư pháp như nghĩa hay Như Lai giả vô sở tung lai, diệt vô sở khứ. Như như bất động nên mới không từ đâu đến và không đi đâu, chư pháp như nghĩa, đó là như. Quý vị thấy có hệ thống rõ ràng, chúng ta tu bắt đầu từ quán chiếu các tướng duyên hợp hư huyễn chỉ có giả danh rồi dần dần hàng phục tâm, rồi an trụ được tâm, kết quả là Như Lai, không còn nghi ngờ gì cả. Như Lai tức là Phật. Bao nhiêu đó đủ tu thành Phật chớ không còn gì khác, thử chung rõ ràng như vậy. Nếu hiểu như thế thì việc ứng dụng tu có đầu đuôi, gốc ngọn; nếu biết ứng dụng để tu thì đó là xứng đáng học kinh Kim Cang, tu theo kinh Kim Cang và gọi là thọ trì đọc tụng kinh Kim Cang, chớ đừng có nhớ bốn câu kệ rồi nói bốn câu kệ dễ thuộc quá. Đi đâu cũng lảm nhảm nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệt như điện,*

ưng tác như thị quán và nói tôi trì kinh Kim Cang, hoặc đi đâu cũng đọc nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai, hoặc đọc câu phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai, rồi nói đó là tôi trì kinh Kim Cang. Nếu cứ đọc như thế mãi, đó là động chớ chưa phải "Như", mà động thì chưa phải là chỗ "Như như bất động" như Phật nói ở đây. Đã thế còn tính phàm nữa thì là thủ tướng, mà thủ tướng cũng không phải như như."

Hòa thượng Thích Thanh Từ hỏi,

Như vậy quý vị đã hiểu rõ trì kinh Kim Cang là như thế nào rồi phải không?

- Không!

Vì riêng tôi, khi phật pháp chưa tìm tới tôi thì tôi cứ ngỡ rằng tôi biết tất cả pháp phật.

Trong lúc pháp phật tìm tới tôi thì tôi mới ngỡ ngàng là tôi không biết gì về pháp phật.

Sau một thời gian, phật pháp nhập vô tôi, tôi biết là tôi vô học.

Bây giờ phật pháp bỗng dưng ra, không vô trong tôi nữa, nên ngay cả một chữ Vô tôi cũng không nhớ là mình nhớ Không.

Bây giờ, tôi mới biết là pháp phật như như bất động, không ra vô, không đi đến.

"Như như bất động tâm quân thái, như như bất động tâm thư thái."

Tất cả pháp đều là như như. Dùng định lực để khắc phục mọi chướng ngại. Phiền não thế nào cũng không động tâm. Tâm quân thái nghĩa là tâm luôn luôn thông dong an tịnh.

Không phải chỉ định được như như bất động thì sinh kỳ tâm mà ngay cả lúc như như động động thường tình thì tâm vẫn định. Kỳ tâm cũng luôn luôn thư thái an nhiên.

Kinh Pháp Hoa cũng có nói về: *"Kỳ tâm thái nhiên, kỳ tâm thư thái an nhiên"* này.

Thái nhiên cũng là tâm thái bình an nhiên. An nhiên tự tại!

Tôi không đủ tư cách, trình độ để dạy đời, nói ra những điều kỳ cục khô khan, khó hiểu này mà tự nhiên không biết sao chúng nó cứ tự nhiên phọt ra dù tôi không bao giờ nghĩ tới được “như như vậy” dzậy.

Âu là đây cũng là cái nghiệp ăn phước như như nhưng động động khổ. Vát ngà voi chùa mà không biết làm sao để như như bất khả động?

Đại Hòa thượng Thanh Từ đã từng nói: *“Tôi là kẻ nợ của Tăng Ni và Phật tử. Ai biết đòi thì tôi trả trước, ai chưa biết đòi thì trả sau.”*

TS Nguyễn Mạnh Hùng tâm sự: *Đây là câu nói cũng làm rung động tâm tôi. Dòng đời cứ thế chảy theo sinh tử luân hồi. Trả*

vay, vay trả. Tu để giải thoát, để thoát khỏi sinh từ luân hồi. Phải tu thôi. Phải hành thiền mỗi ngày thôi. Không có con đường nào khác!

(Nhớ về Thiền Sư Thích Thanh Từ Nhân lễ sinh nhật thứ 94 của thầy, Tâm Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng)

Tôi thông cảm lời hòa thượng nói vì Ngài là thầy chùa, nợ cúng dường của thập phương nên tụng kinh, gõ chuông mõ, nghi lễ, bố thí pháp nhưng tôi có nợ ai pháp đâu mà phải trả trước hay trả sau?

Hay là tôi nợ chính tôi?

Tôi nợ pháp hay pháp nợ tôi?

Mà nhậm vận duyên nợ thì dù ai là chủ nợ, hay ai là con nợ thì cả hai đều cộng khổ?

Tôi không nợ ai cả. Không ai nợ tôi cả.

Tại sao tôi phải nợ ai? Tại sao ai phải nợ tôi?

Vô ngã. Vô nợ!

Chúng sanh nợ pháp thì trả bằng chúng sanh pháp. Cho chúng sanh pháp thì đòi lại pháp chúng sanh.

Bị đòi nợ thì vay nợ mà trả nợ. Rồi thì cho vay nợ để đòi nợ mà trả nợ. Cán qua cán, cả vốn lẫn lời. Có đầu óc kinh doanh kiểu này thì giàu vô lượng kiếp.

Chúng ta tuy không tránh khỏi nghiệp báo nhưng chúng ta có thể hóa giải được nghiệp báo nếu biết áp dụng hạnh bố thí.

Đó là công phu bố thí dùng tứ lạng chống ngàn cân nghiệp báo.

Trong kinh Bahiya Sutta, Đức Phật chỉ dạy cho Bahiya pháp tức khắc xa lìa tam giới. Do vậy mà Bahiya được giải thoát, giác ngộ trước khi bước qua cửa tử. Ngay sau khi được Đức Thế Tôn giảng pháp, Bahiya liền bị bò điên bạng chết nhưng ông ta “không với đó, không trong đó”:

“Bahiya, ông nên tu tập thế này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tưởng sẽ chỉ là cái được thọ tưởng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri... thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘với đó.’ Nay Bahiya, khi ông không là ‘với đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘trong đó.’ Nay Bahiya, khi ông không ‘trong đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chặng giữa. Thế này, chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau.”

Ngay lúc bây giờ đúng là thiệt ngộ thật, hình như pháp Phật không ở trong tôi, không ở ngoài tôi mà chỉ có tôi ở trong tôi. Cho nên, tôi không khổ công tìm kiếm trong tôi lẫn ngoài tôi cái pháp báu đó nữa.

Tôi chỉ có thể tìm cái tôi bị mất, kiếm cái tôi không có chứ tôi không biết kiếm cái tôi đang có, tìm cái tôi chưa mất.

Trong nhà lẫn ngoài ngõ đều không có báu đừng bỏ công tìm kiếm trong ngoài.

Tôi có ngộ không?

Tôi chỉ nói vậy cho những người đại đột tin tôi chứ tôi đang tập tìm kiếm tôi. Vì hình như bây giờ tôi cứ hay quên tôi. Có những lúc tôi bỏ trốn tôi mà đi mô không biết. Tôi sợ tôi đi lạc không về lại với tôi như những kiếp trước thì tôi lại phải lìa bỏ mất thân tôi.

Như vậy thì cái bản lai diện mục của pháp thân đó có thể tri kiến sắc hay tri kiến không?

Lời Đức Phật dạy trong kinh Kim Cang sáng tỏ muôn đời.

*Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.*

*

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Chỉ có phương pháp luận, vô tiền khoáng hậu của bát nhã tâm kinh mới diễn tả viên diệu những công án trên này.

Muốn hiểu vô tự chân kinh thì tìm nơi không chữ mà trì.

Đây là lý do, Hai tôn giả Ma Ha Ca Diếp, và Ananda thể theo ý phật tổ giao kinh không chữ cho thầy trò Đường Tam Tạng trong Tây Du Ký.

Muốn an cái không (emptiness) phải tìm cái không mà hàng phục nó.

Không không là không nên là không.

Emptiness isn't emptiness therefore, it is emptiness.

Như ý tâm kinh trên, như sư tử hồng, như tiếng vỗ tay của độc thủ, như tiếng sét ngang tai, như năng đoạn kim cương, như tỉnh tỉnh tỉnh.

Tâm viên, ý mã này của lão Tôn không thềm cân đầu vân đi mô nữa mà chỉ: Di động như như bất di động! Bất niệm, Bất sinh, bất diệt!

Tâm quá khứ, Tâm hiện tại, và Tâm vị lai đồng nhất, như như động động nhưng như như bất động.

Không mong chứng mà như như chứng đạt, không cầu đắc mà như như khả đắc!